

Số: ~~2~~168/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/12/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18/7/2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá; Thông tư số 14/2008/TT-BCT ngày 25/11/2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18/7/2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Kế hoạch số 815/KH-UBND ngày 26/4/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Công ước khung về kiểm soát thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 163/BC-HĐTĐ ngày 22/12/2010 của Hội đồng Thẩm định Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 719/TTr-SCT ngày 22/12/2010 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (có Quy hoạch kèm theo).

Điều 2. Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *AV*

- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Báo Bắc Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, Trưởng các phòng, đơn vị, KT1;
- + Lưu: VT, TPKT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Hạnh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	1
Phần thứ nhất: KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH BẮC GIANG	4
I. Điều kiện tự nhiên	4
1. Vị trí địa lý	4
2. Khí hậu	5
3. Địa hình	
II. Điều kiện xã hội	5
1. Dân số và cơ cấu dân số	5
2. Lao động và cơ cấu lao động	5
3. Giáo dục, đào tạo và y tế	5
III. Thu nhập và đời sống dân cư	6
IV. Tình hình phát triển kinh tế tỉnh Bắc Giang	6
1. Tăng trưởng GDP giai đoạn 2006 - 2010	6
2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	7
3. Thu chi ngân sách	8
Phần thứ hai: THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG	9
I. Thực trạng phát triển thương mại của tỉnh	9
1. Hệ thống tổ chức kinh doanh thương mại	9
2. Thực trạng kết cấu hạ tầng thương mại	10
3. Kết quả hoạt động thương mại	11
II. Thực trạng mạng lưới bán buôn, bán lẻ và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	12
1. Mạng lưới bán buôn	12
1.1. Số lượng	12
1.2. Cơ cấu	12
1.3. Quy mô	13
1.4. Hiện trạng phân bố mạng lưới bán buôn.	13
2. Mạng lưới bán lẻ	13
2.1. Số lượng	13
2.2. Cơ cấu, quy mô	14
2.3. Kết quả bán lẻ sản phẩm thuốc lá	14
2.4. Hiện trạng tổ chức mạng lưới bán lẻ-sản phẩm thuốc lá	14
3. Công tác quản lý nhà nước	14
3.1. Về tổ chức quản lý	14

Nội dung	Trang
3.2. Kết quả cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15
4. Thực trạng số người sử dụng thuốc lá	15
4.1. Khái quát về tình hình tiêu thụ thuốc lá và tác hại của thuốc lá	15
4.2. Thực trạng số người hút thuốc lá trên địa bàn	16
5. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân	17
5.1. Tồn tại, hạn chế	17
5.2. Nguyên nhân	17
6. Đánh giá chung	18
Phần thứ ba: QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020	19
I. Dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến quy hoạch	19
1. Tác động của bối cảnh trong nước và thế giới	19
1.1. Thế giới	19
1.2. Trong nước	20
1.3. Địa phương	21
2. Triển vọng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020	21
2.1. Dự báo phát triển dân số, cơ cấu dân số	21
2.2. Dự báo phát triển kinh tế - xã hội	21
2.3. Dự báo phát triển đô thị	23
2.4. Dự báo về thu nhập bình quân	23
3. Dự báo về các nguồn cung và nhu cầu tiêu thụ thuốc lá của tỉnh	23
3.1. Dự báo các nguồn cung ứng sản phẩm thuốc lá	23
3.2. Dự báo tỷ lệ người hút thuốc lá-giai đoạn 2010 - 2015, có tính đến 2020	24
II. Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá	25
1. Quan điểm quy hoạch	25
2. Mục tiêu quy hoạch	25
3. Định hướng quy hoạch	25
3.1. Định hướng chung	26
3.2. Đối với mạng lưới bán buôn	26
3.3. Đối với mạng lưới bán lẻ	26
3.4. Các phương án quy hoạch	27
4. Nội dung quy hoạch	27
4.1. Các tiêu chí quy hoạch	27
4.2. Quy hoạch mạng lưới bán buôn	30
4.3. Quy hoạch mạng lưới bán lẻ	31
5. Tổng hợp toàn tỉnh	33
5.1. Tổng hợp Quy hoạch điểm bán buôn thuốc lá	33

Nội dung	Trang
5.2. Tổng hợp quy hoạch các điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá	33
Phần thứ tư: CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ	34
I. Các giải pháp	34
1. Giải pháp chung	34
2. Các giải pháp cụ thể	34
2.1. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền, vận động	34
2.2. Giải pháp về quản lý nhà nước	35
2.3. Giải pháp về bảo vệ môi trường	35
2.4. Giải pháp về áp dụng khoa học, công nghệ trong bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá	36
2.5. Các giải pháp khác	36
II. Tổ chức thực hiện quy hoạch	36
1. Sở Công Thương	36
2. Sở Y tế	37
3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	37
4. Sở Giáo dục và Đào tạo	38
5. Sở Tài chính	38
6. Sở Thông tin và Truyền thông	38
7. Công an tỉnh	38
8. Các Sở, cơ quan khác trực thuộc UBND tỉnh	39
9. UBND các huyện, thành phố	39
III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	39
1. Đề nghị Bộ Công Thương	39
2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể nhân dân	40

QUY HOẠCH
MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 2167/QĐ -UBND ngày 29 tháng 12 năm 2010
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết phải xây dựng Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020

Những năm vừa qua, hoạt động thương mại của tỉnh đã đạt được những kết quả khả quan, tốc độ tăng trưởng hàng năm khá cao, góp phần đáng kể vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hệ thống mạng lưới thương mại được mở rộng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, hàng hoá ngày càng phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống.

Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại tỉnh Bắc Giang đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đã nhấn mạnh đến yêu cầu xây dựng quy hoạch mạng lưới thương mại nhằm đáp ứng đòi hỏi của hoạt động thương mại theo cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong đó các loại hình bán buôn như trung tâm bán buôn tổng hợp, chuyên ngành, tổng kho; các loại hình bán lẻ như trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, chợ... được xem là những cơ cấu chủ yếu của ngành bán buôn và bán lẻ.

Cùng với việc phát triển mạng lưới thương mại là việc thiết lập, hình thành mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với số lượng thương nhân tham gia kinh doanh ngày càng tăng ở cả khu vực đô thị, nông thôn và miền núi. Hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá đã đạt được kết quả bước đầu, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn tỉnh, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho người lao động.

Sự phát triển của sản xuất và tiêu dùng, đặc biệt là mức tăng của tiêu dùng và quá trình đô thị hoá nhanh chóng, sự hấp dẫn đầu tư vào các phân ngành bán buôn và bán lẻ đặt ra yêu cầu cần phát triển đầy đủ, ổn định và trật tự, hài hoà mạng lưới bán buôn, bán lẻ hàng hóa nói chung và mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá nói riêng trên địa bàn tỉnh.

Qua điều tra, khảo sát cho thấy, thực trạng phát triển các loại hình bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh còn mang nặng tính tự phát, hoạt động manh mún, đơn lẻ, không có sự liên kết để tạo các kênh phân phối hợp lý, ổn định; nhiều loại sản phẩm hàng hoá, nhất là sản phẩm thuốc lá được bày bán tràn lan, lộn lộn khó kiểm soát và quản lý.

Nhằm khắc phục những tồn tại, yếu kém, phát huy vai trò của cơ cấu bán buôn, bán lẻ đối với quá trình phát triển ngành thương mại và đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh, cũng như thúc đẩy các ngành sản phẩm của tỉnh từng bước tham gia vào hệ thống phân phối toàn cầu khi Việt Nam mở cửa thị trường

bán lẻ, cần phải sớm cùng cố, phát triển hệ thống phân phối nói chung và hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá nói riêng cho phù hợp.

Mặt khác, thuốc lá còn là nguyên nhân của nhiều loại bệnh nguy hiểm đối với con người như ung thư phổi, nhồi máu cơ tim, xơ vữa động mạch và các bệnh về hô hấp. Theo số liệu điều tra ước tính 10% dân số hiện nay (khoảng trên 7 triệu người) sẽ chết do các bệnh có liên quan đến thuốc lá, trong đó 3,7 triệu người sẽ chết ở độ tuổi trung niên. Theo dự báo của tổ chức y tế thế giới, đến năm 2020, hàng năm số người chết vì thuốc lá sẽ nhiều hơn số người chết vì HIV/AIDS, lao, tai nạn giao thông đường bộ.

Ngoài những tác hại đối với sức khoẻ, hút thuốc lá còn gây ra những tổn thất lớn về kinh tế cho từng gia đình và toàn xã hội. Mỗi năm ở Việt Nam có khoảng 40.000 người chết vì thuốc lá, chi phí chữa bệnh lên tới 1.160 tỷ đồng. Trước tình hình báo động đó, Nhà nước đã thống nhất quản lý hoạt động kinh doanh thuốc lá từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu thụ trên thị trường, đặt thuốc lá vào nhóm mặt hàng kinh doanh hạn chế. Tuy nhiên, việc quản lý Nhà nước về hoạt động kinh doanh thuốc lá còn rất nhiều vấn đề bất cập.

Chính vì vậy, việc Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 là yêu cầu tất yếu khách quan của quá trình phát triển kinh tế xã hội, nhằm kiểm soát chặt chẽ việc kinh doanh bán buôn, bán lẻ các sản phẩm thuốc lá theo chế độ, chính sách của Nhà nước, của Bộ Công Thương, các Bộ, Ngành liên quan và của tỉnh. Đồng thời còn là bước cụ thể hoá nhằm thực hiện mục tiêu tổ chức lại hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh theo hướng văn minh, hiện đại, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Mặt khác, đây còn là cơ sở để xem xét, thẩm định và cấp phép cho các thương nhân, các nhà đầu tư thực hiện quyền phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu nghiên cứu của quy hoạch

- Đánh giá đúng thực trạng hoạt động hệ thống kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh. Làm căn cứ khoa học để triển khai thực hiện mục tiêu tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

- Hoạch định những mục tiêu, định hướng tổ chức kinh doanh và quản lý hoạt động bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá bằng việc quy định địa điểm kinh doanh, phạm vi, quy mô kinh doanh, số lượng thương nhân tham gia kinh doanh các sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2020.

- Đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch nhằm kiểm soát chặt chẽ việc kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo đúng chính sách, chế độ quy định của Nhà nước; phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ổn định, nhanh và bền vững.

3. Các căn cứ xây dựng quy hoạch

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP, ngày 12/6/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, ngày 07/12/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội;

- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

- Nghị định số 119/2007/NĐ-CP, ngày 18/7/2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá; Thông tư số 14/2008/TT-BCT ngày 25/11/2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18/7/2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

- Quyết định số 1315/QĐ-TTg, ngày 21/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước khung về kiểm soát thuốc lá;

- Quyết định số 05/2009/QĐ-TTg, ngày 13/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

- Thông tư số 03/2008/TT-BKH, ngày 01/7/2008 của Bộ Kế Hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP, ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, ngày 7/9/2006 của Chính phủ;

- Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH, ngày 26/3/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu;

- Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của huyện, thành phố; Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và Quy hoạch của các ngành liên quan;

- Kế hoạch số 815/KH-UBND, ngày 26/4/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Công ước khung về kiểm soát thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Chương trình, nội dung các phiên họp của UBND tỉnh Bắc Giang năm 2010 tại Quyết định số 148/QĐ-UBND, ngày 31/12/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 21/9/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí xây dựng Quy hoạch mạng lưới bán buôn bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.

4. Đối tượng và phạm vi của quy hoạch

- Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá và các hoạt động khác có liên quan đến kinh doanh sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh (thương nhân có đăng ký kinh doanh hoạt động mua, bán sản phẩm thuốc lá);

- Kinh doanh các sản phẩm thuốc lá, gồm: sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hay một phần nguyên liệu thuốc lá và được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi dùng để hút tẩu và các dạng sản phẩm khác dùng để hút, nhai, ngửi;

- Quy hoạch không điều chỉnh: các kho nguyên liệu, các vùng nguyên liệu thuốc lá; các cơ sở sản xuất thuốc lá điều, chế biến nguyên liệu thuốc lá; đối với việc nhập khẩu sản phẩm thuốc lá, kinh doanh sản phẩm thuốc lá tại cửa hàng miễn thuế (Duty Free Shop) và bán lẻ thuốc lá dưới hình thức xe đẩy, tủ thuốc cạnh lề đường, bán thuốc lá dạo...

5. Nội dung của quy hoạch

- Quy hoạch mạng lưới bán buôn bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 ngoài Phần mở đầu, Phần phụ lục, gồm 4 phần lớn:

- **Phần thứ nhất:** Khái quát về điều kiện tự nhiên và tình hình kinh tế xã hội tỉnh Bắc Giang.

- **Phần thứ hai:** Thực trạng mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006-2010.

- **Phần thứ ba:** Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh đến năm 2020

- **Phần thứ tư:** Các giải pháp thực hiện quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phần thứ nhất

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH BẮC GIANG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Bắc Giang là tỉnh miền núi phía Bắc, có diện tích tự nhiên là 3.823,3 km², nằm ở trung độ vùng kinh tế Đông Bắc Bắc bộ. Phía Bắc và Đông bắc giáp với Lạng Sơn; phía Tây và Tây bắc giáp Hà Nội, Thái Nguyên; phía Nam và Đông nam giáp với các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Quảng Ninh. Bắc Giang cách trung tâm Hà Nội 50 km về phía Bắc, cách cửa khẩu quốc tế Đồng Đăng (Lạng Sơn) về phía Nam 110 km, cách sân bay quốc tế Nội Bài 60 km, cách cảng nước sâu Cái Lân (Quảng Ninh) 70 km, cách cảng Hải Phòng 140 km. Bắc Giang còn nằm trên trục đường xuyên Á, nằm trên hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và thuộc vùng phụ cận của hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

Bắc Giang có vị trí gần với những đô thị lớn và trung tâm công nghiệp, vùng đồng bằng Bắc bộ, nơi tập trung tiềm lực lớn về khoa học công nghệ của đất nước. Đó chính là những trung tâm kinh tế, văn hóa đông dân, tốc độ đô thị hóa nhanh. Đây chính là điều kiện thuận lợi để Bắc Giang trao đổi, giao lưu kinh tế - văn hóa với các tỉnh trong cả nước, tạo điều kiện cho việc phát triển thị trường và thương mại. Với vị trí nằm trên trục đường xuyên Á cách biên giới Việt Nam - Trung Quốc không xa, một bộ phận quan trọng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc qua cửa khẩu Lạng Sơn đều đi qua địa phận Bắc Giang. Lợi thế về vị trí này tạo điều kiện cho ngành dịch vụ phát triển. Bên cạnh đó, việc tiếp giáp

với Hà Nội và Quảng Ninh cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương của Bắc Giang với nước ngoài bằng đường hàng không và đường biển.

2. Khí hậu

Bắc Giang nằm ở chí tuyến Bắc trong vành đai nhiệt đới Bắc bán cầu, nên khí hậu của tỉnh mang tính chất của khí hậu nhiệt đới gió mùa rõ rệt. Nhiệt độ trung bình 23 – 24⁰ C, độ ẩm trung bình trên 80%. Nhìn chung, khí hậu Bắc Giang tương đối thuận lợi cho việc phát triển một hệ sinh thái đa dạng và bền vững, thuận lợi cho phát triển ngành nông lâm nghiệp đa dạng với nhiều loại cây trồng, vật nuôi, là nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.

3. Về địa hình

Bắc Giang là tỉnh có đặc điểm địa hình của cả miền núi (chiếm 89,5%) lẫn trung du (chiếm 10,5%) có đồng bằng xen kẽ. Với đặc điểm địa hình đa dạng (cả đồng bằng, trung du và miền núi) thuận lợi để phát triển nông nghiệp với nhiều cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường.

II. ĐIỀU KIỆN XÃ HỘI

1. Dân số và cơ cấu dân số

Năm 2009 dân số toàn tỉnh 1.560,2 ngàn người; mật độ dân số là 407,6 người/km² tỷ lệ tăng tự nhiên bình quân 10 năm qua là 0,4%/năm. Dân số tỉnh Bắc Giang phân bố không đều, tập trung chủ yếu tại các thành phố, thị trấn, còn ở các huyện miền núi thưa thớt. Dân số vùng nông thôn chiếm 90,4% và dân số thành thị 9,6%, trong đó dân số nữ chiếm 50,1% tổng dân số toàn tỉnh.

Dự báo dân số giai đoạn từ năm 2006 – 2020 dân số Bắc Giang bước vào “thời kỳ dân số vàng”⁽¹⁾ với cơ cấu dân số trong tuổi lao động (nam 15 – 60, nữ từ 15 – 55 tuổi) chiếm tới 62,5% vào năm 2010 và 63,3% vào năm 2020.

2. Lao động và cơ cấu lao động

Nguồn lao động của tỉnh dồi dào, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2009 là 963,8 ngàn người, chiếm 61,8% dân số (số lao động nữ là 498,3 ngàn người, chiếm 51,7%). Trong đó, lao động trong ngành nông lâm thủy sản là 675,3 ngàn người, chiếm 70% tổng số lao động; lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng là 130 ngàn người, chiếm 14,3%; lao động trong ngành thương mại - dịch vụ là 150,5 ngàn người, chiếm 15,6%. Số lao động trung bình tăng thêm hàng năm khoảng 22.000 người.

Cơ cấu lao động trong những năm qua chuyển dịch theo hướng phục vụ cho sự phát triển các ngành thương mại, dịch vụ và công nghiệp; năm 2009 tỷ lệ lao động thương mại - dịch vụ đạt 15,6%, tăng 2,8% so với năm 2007; lao động nông nghiệp còn 70,1%, giảm 3,8% so với năm 2007; xu hướng di chuyển lao động ra khỏi địa bàn tỉnh vào các khu công nghiệp trong nước và xuất khẩu lao động đang diễn ra. Toàn tỉnh hiện nay có 2,3 vạn lao động làm việc ở nước ngoài, tăng 1,1 vạn so với năm 2005; hàng năm gửi về địa phương trên 1.000 tỷ đồng.

3. Giáo dục, đào tạo và y tế

- Về giáo dục, đào tạo:

¹ Dân số vàng chỉ thời kỳ cơ cấu lao động trong tổng dân số đạt mức cao từ 55% trở lên.

Hệ thống mạng lưới giáo dục trên địa bàn tỉnh đã được hình thành với đầy đủ các cấp học và trình độ đào tạo từ Mầm non đến Cao đẳng. Giáo dục chuyên nghiệp, đào tạo nghề được tăng cường; đến nay, toàn tỉnh có 04 trường cao đẳng, 07 trường trung cấp và 78 cơ sở dạy nghề, tăng 40 cơ sở so với năm 2005. Các cơ sở đào tạo trên địa bàn mỗi năm dạy nghề cho khoảng 3 vạn lao động, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh đạt 33%, tăng 9% so với năm 2005.

Nhìn chung, công tác giáo dục và đào tạo những năm qua đã được sự quan tâm của các ngành các cấp, đây cũng là một trong những thuận lợi để ngành công thương của tỉnh bổ sung đội ngũ lao động được đào tạo.

- Về Y tế:

Đã tích cực thực hiện phòng, chống dịch bệnh, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; không để dịch bệnh lớn xảy ra. Nguồn lực phục vụ công tác y tế được tăng cường; đến nay 95,6% số xã trong tỉnh đạt chuẩn quốc gia về y tế; bình quân toàn tỉnh đã có 6,7 bác sỹ, 17,1 giường bệnh/1 vạn dân; 100% các thôn, bản đã có nhân viên y tế hoạt động; hầu hết các trạm y tế xã có bác sỹ phục vụ và thực hiện việc khám, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân. Xã hội hóa về y tế phát triển khá. Các cơ sở y tế đã liên kết, triển khai một số kỹ thuật mới, hiện đại trong khám và điều trị bệnh; chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên. Công tác kế hoạch hóa gia đình được thực hiện tốt, góp phần ổn định tỷ lệ sinh ở mức thấp, duy trì mức độ ổn định tỷ lệ tăng dân số của tỉnh trong những năm qua.

III. THU NHẬP VÀ ĐỜI SỐNG DÂN CƯ

Thời gian qua, cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đời sống dân cư của tỉnh đã có những bước cải thiện, thu nhập bình quân một người một tháng của lao động ngày càng tăng. Đã triển khai thực hiện có hiệu quả nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đối với miền núi, vùng đồng bào dân tộc, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cấp sổ khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, người cao tuổi...

Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 ước đạt 635 USD, tăng hơn 2 lần so với năm 2005 (312 USD), cả nước đến 2010 ước đạt 1.200 USD. Thu nhập dân cư trong tỉnh tăng đồng nghĩa với sức mua trong dân cư tăng, đây là một trong những tiền đề thúc đẩy thương mại dịch vụ của tỉnh phát triển.

IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH BẮC GIANG

1. Tăng trưởng GDP giai đoạn 2006-2009

Tổng sản phẩm của Bắc Giang (theo giá so sánh 1994) đã tăng từ 3.944 tỷ đồng năm 2005 lên 5.556 tỷ đồng năm 2009, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006-2009 là 8,9%/năm; bình quân giai đoạn 2006-2010 ước đạt 9%/năm, cao hơn giai đoạn 2000-2005 (8,3%/năm). GDP bình quân đầu người tăng từ 2.495 nghìn đồng năm 2005 lên 3.561 nghìn đồng năm 2009, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006-2009 đạt 9,3%/năm.

Tổng sản phẩm của Bắc Giang theo giá thực tế tăng từ 7.565 tỷ đồng năm 2005 lên 15.478 tỷ đồng năm 2009, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006-2009 là 19,6%/năm; GDP bình quân đầu người tăng từ 4.786 nghìn đồng năm 2005 lên 9.926 nghìn đồng năm 2009, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006-2009 đạt 20%/năm.

Biểu số 1: Tổng sản phẩm (GDP) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006 - 2009

Hạng mục	2006	2007	2008	2009
- Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh 1994. (Đ.vị: Tỷ đồng)	4.323	4.765	5.197	5.556
+ Chi số phát triển (%)	109,6	110,2	109,1	106,9
+ GDP bình quân/người/năm (Đ.vị: 1000đồng)	2.707	3.077	3.343	3.561
- Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá thực tế. (Đ.vị: Tỷ đồng)	8.861	10.549	13.496	15.487
+ Chi số phát triển (%)	117,1	119	127,9	124,7
+ GDP bình quân/người/năm Đ.vị: (1.000đồng)	5.550	6.811	8.681	9.926

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Bắc Giang - Niên giám thống kê 2009

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

2.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành

Cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đang diễn ra theo chiều hướng tích cực, có sự chuyển dịch theo hướng khai thác lợi thế của từng ngành, từng vùng trong tỉnh. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá. Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GDP (theo giá thực tế) đã giảm dần từ 42,1% năm 2005 xuống còn 33,4% năm 2009. Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 23,3% năm 2005 lên 32,3% năm 2009. Tỷ trọng ngành dịch vụ từ 34,6% năm 2005 xuống 33,2% năm 2009 và có sự giao động lên xuống trong các năm. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng ước năm 2010 đạt 33,2%, dịch vụ 34,1%, nông nghiệp còn 32,7% (cơ cấu kinh tế cả nước ước năm 2010 tương ứng là: 40,3%; 39,8%; 19,9%).

- Về Sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp:

Năm 2010, giá trị sản xuất ước đạt 3.927 tỷ đồng (giá cố định năm 1994), bằng 1,9 lần so năm 2005, tăng bình quân 23,9%/năm. Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp ước đạt 250 triệu USD, tăng bình quân 41,7%/năm. Trong thời kỳ 2006-2010, khu vực sản xuất công nghiệp đã tạo thêm 56.000 việc làm, chiếm 52% tổng số việc làm mới của tỉnh.

- Về Nông nghiệp:

Nông nghiệp phát triển khá toàn diện, cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực, có nhiều mô hình mới hiệu quả. Tốc độ tăng trưởng toàn ngành bình quân giai đoạn 2006 – 2010 ước đạt 11,4%/năm. Năm 2010, tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 630.000 tấn và tăng so với năm 2005 là 38.000 tấn; bình quân đầu người 406 kg. Chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá được triển khai thực hiện có hiệu quả. Tỉnh đã ban hành một số chính sách hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa phát triển. Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, đem lại hiệu quả tích cực. Tiếp tục duy trì, phát triển một số vùng, sản phẩm hàng hóa như: vải thiều ở Lục Ngạn, gà đồi ở Yên Thế, vùng rau chế biến, lạc thương phẩm, lạc giống, lúa thơm. Chăn nuôi và sản xuất thủy sản phát triển mạnh.

- Về Thương mại, dịch vụ:

Tiếp tục quan tâm phát triển mạnh thương mại trong tỉnh, mở rộng thị trường nội tỉnh, kể cả khu vực thành thị, nông thôn và miền núi, đa dạng hoá thị trường ngoài nước, khai thác có hiệu quả các thị trường ngoài tỉnh, thị trường tiềm năng, tăng nhanh xuất khẩu, nhập khẩu kịp thời các nguyên liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Chủ động tham gia vào mạng phân phối của các doanh nghiệp, ngành hàng thiết yếu trong nước, phát triển hệ thống phân phối các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ở cả trong và ngoài tỉnh; bước đầu triển khai xây dựng thương hiệu cho hàng hoá của tỉnh như Vải thiều Lục Ngạn, Rượu làng Vân, Mỳ Chũ...

Tốc độ tăng trưởng bình quân 9,9%/năm (giai đoạn 2000-2005 tăng 7,5%). Hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cải tạo.

- Mặc dù cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, nhưng kinh tế của Bắc Giang chủ yếu vẫn là kinh tế nông nghiệp. Qua bảng phân tích số liệu (biểu 2) cho thấy, cơ cấu kinh tế Bắc Giang chưa thực sự hợp lý so với cơ cấu kinh tế cả nước, cần tiếp tục có giải pháp thích hợp chuyển dịch cơ cấu ngành, tăng dần tỷ trọng của các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Biểu 2: GDP theo ngành kinh tế của tỉnh Bắc Giang

Đơn vị tính: %

Năm	Toàn nền KT	GDP trên địa bàn tỉnh theo giá thực tế			GDP trên địa bàn tỉnh theo giá cố định		
		Nông, lâm nghiệp và thủy sản	CN và XD	Dịch vụ	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	CN và XD	Dịch vụ
2005	100,0	42,1	23,3	34,6	20,97	41,02	38,01
2006	100,0	39,8	25,3	34,9	20,36	41,56	38,08
2007	100,0	37,9	29,6	33,8	20,3	41,58	38,12
2008	100,0	36,2	30,6	33,2	21,99	39,9	38,11
2009	100,0	33,4	32,3	34,3	20,7	40,2	39,1

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Bắc Giang - Niên giám thống kê 2009

2.2. Chuyển dịch kinh tế theo thành phần kinh tế

- Khu vực kinh tế nhà nước: Đến năm 2009 là: 3.126 tỷ đồng chiếm trên 23,2%.

- Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Đến năm 2009 là: 10.010 tỷ đồng chiếm trên 74,2%, trong đó: kinh tế tập thể 147 tỷ đồng; kinh tế tư nhân đạt 1.673 tỷ đồng; kinh tế cá thể đạt 8.190 tỷ đồng.

- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: Đến năm 2009 là: 298 tỷ đồng chiếm khoảng 2,2%.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đạt 32,3%; dịch vụ 34,1%; nông nghiệp còn 32,7%.

3. Thu chi ngân sách

Tình hình thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006 - 2010 không ngừng tăng lên. Thu ngân sách qua các năm luôn hoàn thành vượt kế hoạch; chi

ngân sách đáp ứng cơ bản các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đã tăng cường quản lý nguồn thu, chống thất thu, quan tâm khai thác nguồn thu tiền sử dụng đất và thu thuế xuất nhập khẩu. Số thu trên địa bàn năm 2010 ước đạt 1.733 tỷ đồng, gấp 3,5 lần năm 2005, tăng bình quân 28,2%/năm; trong đó, số thu nội địa trừ thu từ việc giao, đấu giá quyền sử dụng đất đạt 845 tỷ đồng, vượt 69% mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra. Chi ngân sách năm 2010 ước đạt 3.866 tỷ đồng, tăng bình quân 16%/năm, gấp 2 lần năm 2005. Do nguồn thu nội địa thấp nên hàng năm ngân sách tỉnh phải nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương một khoản tương đối lớn, bình quân khoảng 62% tổng chi ngân sách.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI CỦA TỈNH

1. Hệ thống tổ chức kinh doanh thương mại

Hệ thống tổ chức kinh doanh thương mại tiếp tục phát triển theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động thương mại theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của hệ thống tổ chức kinh doanh thương mại, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Xác định quyền của doanh nghiệp tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

Hệ thống thương mại của tỉnh đã có sự thay đổi đáng kể, tỷ trọng doanh nghiệp nhà nước ngày càng giảm, đến nay trên địa bàn tỉnh không còn doanh nghiệp nhà nước 100% vốn hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Trong khi đó, tỷ trọng thương mại tư nhân, hộ cá thể ngày càng tăng, hiện nay chiếm ưu thế về số lượng thương nhân cũng như về kết quả kinh doanh.

1.1. Doanh nghiệp thương mại Nhà nước trên địa bàn tỉnh

Trên địa bàn tỉnh đến nay, cơ bản đã hoàn thành việc sắp xếp, chuyển đổi hình thức sở hữu các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sau chuyển đổi được nâng lên: Doanh thu tăng 1,7 lần, nộp ngân sách tăng 2,4 lần, số lao động tăng thêm trên 1.000 lao động so với năm 2005.

1.2. Doanh nghiệp dân doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Doanh nghiệp dân doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng được quan tâm tạo điều kiện phát triển nhanh về số lượng và quy mô, có đóng góp đáng kể vào giải quyết việc làm và tăng trưởng kinh tế. Từ đầu năm 2006 đến hết quý I năm 2010, toàn tỉnh có thêm 1.730 doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện thành lập mới, với tổng vốn đăng ký trên 6.900 tỷ đồng; nâng tổng số doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện trên địa bàn lên 2.560 đơn vị, gấp 3 lần năm 2005, trong đó số doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ là 395 doanh

nghiệp, bằng 15,43 so tổng số. Quy mô vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp 5,67 tỷ đồng, gấp gần 2 lần so với thời kỳ 2000-2005.

1.3. Thương mại tập thể

Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tập thể phát triển đa dạng, mở rộng quy mô, thực hiện cơ chế, chính sách hợp lý trợ giúp các tổ chức kinh tế hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mở rộng thị trường, ứng dụng công nghệ mới, tiếp cận vốn. Đã cơ bản chuyển đổi xong các hợp tác xã kiểu cũ sang hoạt động theo Luật Hợp tác xã; sau chuyển đổi các hợp tác xã đã bước đầu được củng cố về tổ chức và nội dung hoạt động. Một số mô hình hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực thương mại, quản lý chợ đã đổi mới nội dung và hình thức hoạt động, chủ yếu làm dịch vụ cung ứng vật tư, giống, kỹ thuật và thu mua hàng nông sản cho nông dân... Đến nay, toàn tỉnh có 779 hợp tác xã và 01 liên hiệp hợp tác xã, tăng 140 hợp tác xã so với năm 2005, trong đó hợp tác xã hoạt động thương mại dịch vụ là 18, bằng 1,4%.

1.4. Các hộ kinh doanh cá thể

Các hộ kinh doanh cá thể ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và quy mô. Năm 2005, toàn tỉnh có khoảng 16.151 hộ thì đến năm 2010, con số này là 20.893 gấp 1,3 lần so với năm 2005. Các hộ kinh doanh cá thể đảm nhận khoảng trên 90% tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ xã hội của tỉnh.

2. Thực trạng kết cấu hạ tầng thương mại

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Giang đã quan tâm đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, kể cả trong các chính sách chế độ ưu đãi, khuyến khích cũng như về kinh phí đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước các cấp, đặc biệt trong việc phát triển cơ sở hạ tầng chợ nông thôn. Do vậy kết cấu hạ tầng thương mại có sự phát triển thay đổi đáng kể, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, nông sản và cung ứng vật tư phục vụ sản xuất.

2.1. Mạng lưới cửa hàng kinh doanh hàng hóa tiêu dùng

Hệ thống cửa hàng, cửa hiệu chủ yếu tập trung ở thành phố Bắc Giang, các trung tâm huyện lỵ, thị trấn, thị tứ và dọc theo các đường giao thông chính. Phần lớn các cửa hàng thuộc hệ thống thương mại ngoài quốc doanh. Hiện nay, mạng lưới cửa hàng kinh doanh thương mại phát triển nhanh về số lượng, đan xen nhiều loại hình, quy mô khác nhau và phát triển rộng khắp trên các địa bàn trong tỉnh. Nhất là những vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, các thương nhân cũng đã tổ chức các hình thức đại lý, ủy thác, bán hàng lưu động ... phục vụ tương đối tốt nhu cầu sản xuất và đời sống.

Tuy nhiên, hiện nay các nhà sản xuất ngày càng chú trọng nhiều hơn việc phát triển mạng lưới phân phối riêng thông qua khách hàng đại lý và các nhà phân phối lớn vì vậy các cửa hàng kinh doanh độc lập đang có xu hướng phát triển theo hướng phân chia lĩnh vực và địa bàn hoạt động. Sự phân bố các cửa hàng chủ yếu ở các đường phố thương mại, trong đó khá nhiều là cửa hàng trong các nhà ở của dân cư nên hạn chế về quy mô và phương thức kinh doanh. Mặt khác sự cạnh tranh quá mức giữa các cửa hàng cùng loại trong một khu vực dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp cũng là hạn chế trong tổ chức phát triển loại hình thương mại này.

2.2. Hệ thống cửa hàng kinh doanh xăng dầu

Mạng lưới kinh doanh xăng dầu là một bộ phận hợp thành kết cấu hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, những năm vừa qua đã phát triển với tốc độ khá nhanh, từng bước hình thành hệ thống mạng lưới. Đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 236 cửa hàng kinh doanh xăng dầu; 01 kho xăng dầu và tiếp tục triển khai xây dựng 02 kho. Nhìn chung các cửa hàng xăng dầu đã được doanh nghiệp đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp theo đúng quy hoạch với các trang thiết bị hiện đại, tiên tiến, cửa hàng khang trang thuận tiện việc mua bán và đảm bảo an toàn giao thông, môi trường; đảm bảo dự trữ và cung ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu xăng dầu cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh.

2.3. Hệ thống mạng lưới trung tâm thương mại, siêu thị, chợ

Những năm vừa qua, việc đầu tư phát triển hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh luôn được các cấp các ngành quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp. Hoạt động của mạng lưới chợ, trung tâm thương mại, siêu thị được đổi mới, tổ chức lại phù hợp với việc phát triển của đô thị, kinh tế xã hội và yêu cầu giao lưu kinh tế, hội nhập kinh tế và bước đầu bảo đảm an ninh trật tự, văn minh thương mại, hiệu quả.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 Trung tâm thương mại (TTTM), cơ bản đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Riêng TTTM Trung Tín mới đầu tư được giai đoạn 1, tương đương Siêu thị kinh doanh tổng hợp loại I, với diện tích 6.000 m², vốn đầu tư là 40 tỷ đồng.

Hệ thống Siêu thị: Hiện tại Bắc Giang có một số cơ sở hoạt động dưới hình thức siêu thị chuyên doanh đồ gỗ gia dụng, điện máy, điện lạnh, xe máy... nhưng đến nay mới chỉ có 02 siêu thị đăng ký quy chế hoạt động theo quy định.

Hiện trên địa bàn tỉnh có 130 chợ, bình quân 1,76 xã, phường, thị trấn có 1 chợ và mỗi chợ phục vụ bình quân khoảng 13 nghìn dân. Trong đó có 01 chợ hạng 1, 20 chợ hạng 2 và 108 chợ hạng 3 (trong đó có 34 chợ tạm); Phân loại theo khu vực: có 22 chợ ở khu vực đô thị, 108 chợ ở khu vực nông thôn (trong đó có 46 chợ ở khu vực nông thôn miền núi). Tổng diện tích đất chợ hiện có là 548.852 m², diện tích nhà chợ đã được xây dựng: 125.553m², trong đó: nhà bê tông mái tôn là: 49.874 m², nhà cấp bốn: 27.479 m², nhà tạm bằng tranh tre: 49.200 m².

Hoạt động của hệ thống chợ đã tạo ra khoảng 17 - 18 ngàn công ăn việc làm, cơ bản đáp ứng được nhu cầu lưu thông hàng hóa cho xã hội, tạo tiền đề kinh tế, xã hội cho sản xuất phát triển, đồng thời đóng góp một phần không nhỏ vào ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, do chợ được hình thành tương đối đồng đều ở các vùng đã từng bước rút ngắn khoảng cách về đời sống kinh tế - xã hội giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng với vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

3. Kết quả hoạt động thương mại

3.1. Hoạt động thương mại nội địa

Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2010 ước đạt 7.000 tỷ đồng, gấp 2,5 lần năm 2005; giai đoạn 2006-2010 tăng bình quân 19,6%/năm. Trong đó thương mại nhà nước chiếm tỷ trọng khoảng 6%, đạt giá trị 297 tỷ đồng; kinh tế cá thể và tư nhân chiếm tỷ trọng 94,7% tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ của toàn tỉnh, năm 2009 đạt giá trị 5.263 tỷ đồng.

3.2. Hoạt động xuất, nhập khẩu

Giá trị xuất khẩu giai đoạn 2006-2010 tăng trưởng bình quân ước đạt 36,6%/năm. Năm 2010 ước đạt 300 triệu USD, gấp 4,76 lần so với năm 2005. Trong tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ trọng cao và tăng dần theo từng năm: năm 2006 đạt 58,2 triệu USD bằng 66,3%; năm 2007 đạt 93,8 triệu USD bằng 72% ; năm 2008 đạt 132,5 triệu USD bằng 78,4%; năm 2009 đạt 140 triệu USD bằng 82%. Mặt hàng xuất khẩu ngày càng đa dạng, phong phú, trong đó chiếm tỷ trọng lớn vẫn là hàng may mặc và nông sản chế biến; thị trường xuất khẩu được phát triển, mở rộng. Đến nay, các doanh nghiệp trong tỉnh đã có quan hệ buôn bán với gần 30 nước trên thế giới, trong đó chủ yếu là Nga, EU, Mỹ, Trung Quốc, Nhật bản...

Giá trị nhập khẩu giai đoạn 2006-2010, tăng trưởng bình quân ước đạt 36,2%/năm. Năm 2010, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 305 triệu USD, trong đó chủ yếu là nhập nguyên, nhiên, vật liệu và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, chiếm trên 70% tổng kim ngạch nhập khẩu. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga.

II. THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

1. Mạng lưới bán buôn

1.1. Số lượng

Bán buôn bao gồm tất cả các hoạt động nhằm bán hàng hóa và dịch vụ cho người mua để kinh doanh. Các thương nhân bán buôn giao dịch chủ yếu với nhà sản xuất và khách hàng buôn bán hơn là người tiêu dùng trực tiếp. Họ chủ yếu mua hàng từ nhà sản xuất, bán cho người bán lẻ và các thương nhân bán buôn khác. Thương nhân bán buôn thực hiện nhiều chức năng bao gồm việc bán hàng, mua hàng và làm công việc phân phối.

Theo quy định của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương), đối tượng được phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá phải là doanh nghiệp. Trong những năm qua, trên địa bàn tỉnh không có doanh nghiệp nào chỉ chuyên kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá (bởi nếu chỉ chuyên kinh doanh một loại sản phẩm thì sẽ đơn điệu và không hiệu quả). Toàn tỉnh hiện có 67 điểm bán buôn sản phẩm thuốc lá, trong đó: 08 điểm có đăng ký kinh doanh thuốc lá, đã được cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá; còn 59 điểm không có Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá nhưng vẫn kinh doanh bán buôn tại các khu vực trung tâm các huyện, thành phố.

1.2. Cơ cấu

Theo số liệu điều tra, đến 30/6/2010, trên địa bàn toàn tỉnh có 67 điểm bán buôn do các thương nhân kinh doanh, cơ cấu cụ thể:

- Các doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước kinh doanh sản phẩm thuốc lá: Có 01 điểm bán buôn thuộc Công ty Cổ phần thuốc lá và chế biến thực phẩm Bắc Giang (cổ phần nhà nước chiếm trên 50%). Đây là doanh nghiệp có vốn nhà nước duy nhất trong tỉnh có bề dày kinh nghiệm, có hệ thống mạng lưới bán lẻ kinh doanh sản phẩm thuốc lá và đã tạo được uy tín trong tiêu dùng của nhân dân. Song từ khi chuyển đổi cơ chế hoạt động theo cơ chế thị trường doanh nghiệp chưa phát huy được và ngày càng mất dần lợi thế cạnh tranh trên địa bàn.

- Các điểm bán buôn thuộc các thành phần kinh tế khác: tổng số có 66 điểm, cụ thể:

+ Hiện có 07 điểm bán buôn có Giấy phép kinh doanh thuốc lá, chiếm 10,47% trong tổng số điểm bán buôn thuốc lá trên địa bàn.

+ Số điểm bán buôn không có Giấy phép kinh doanh thuốc lá: 59 điểm, chiếm 88,06% trong tổng số điểm bán buôn thuốc lá trên địa bàn.

1.3. Quy mô

- Đa số các điểm bán buôn do thương nhân kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá được thành lập và có bề dày kinh nghiệm hoạt động thương mại, có quy mô và uy tín trên thị trường trong tỉnh, khả năng về vốn kinh doanh, phương tiện vận tải, kho hàng chuyên dụng để bảo quản sản phẩm thuốc lá đảm bảo chất lượng, đáp ứng đủ khả năng kinh doanh. Đội ngũ lao động tại các điểm bán buôn bước đầu đã có hiểu biết về chuyên môn, nghiệp vụ kinh doanh, bảo quản sản phẩm thuốc lá và những quy định của nhà nước về vấn đề này.

- Các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá chủ động khai thác nguồn hàng và tổ chức bán lẻ theo các kênh lưu thông do thương nhân xây dựng, hình thành tự phát và đến nay hoạt động tương đối hiệu quả.

1.4. Hiện trạng phân bố mạng lưới bán buôn

- Các điểm bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tập trung chủ yếu ở thành phố và trung tâm các huyện, cụ thể: thành phố Bắc Giang 26 điểm; huyện Lạng Giang 5 điểm; huyện Lục Nam 3 điểm; huyện Lục Ngạn 10 điểm; huyện Sơn Động 2 điểm; huyện Yên Thế 3 điểm; huyện Tân Yên 3 điểm; huyện Việt Yên 4 điểm; huyện Hiệp Hòa 8 điểm; huyện Yên Dũng 3 điểm. Việc bán buôn sản phẩm thuốc lá không chỉ do các doanh nghiệp kinh doanh như quy định mà còn do các hộ kinh doanh thực hiện.

- Doanh nghiệp bán buôn thuốc lá có Giấy phép kinh doanh bán buôn thuốc lá hiện đang hoạt động tại thành phố Bắc Giang và huyện Lục Ngạn. Trong đó chủ yếu là ở thành phố Bắc Giang 07 doanh nghiệp, chiếm 87,5% và huyện Lục Ngạn có 01 doanh nghiệp tại thị trấn Chũ.

- Các huyện còn lại (8/10 huyện) chưa có điểm bán buôn sản phẩm thuốc lá có Giấy phép kinh doanh bán buôn. Tuy nhiên, các sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trên địa bàn các huyện này vẫn thực hiện tại các điểm bán buôn do các thương nhân kinh doanh không có Giấy phép thực hiện.

- Phương thức kinh doanh là các thương nhân bán buôn có phương tiện vận chuyển nhiều loại hàng hóa trong đó có sản phẩm thuốc lá, giao hàng trực tiếp cho các thương nhân kinh doanh bán lẻ lớn tại địa bàn huyện trong tỉnh. Với hình thức hoạt động này rất thuận lợi, kịp thời, tiết kiệm chi phí lưu thông, có điều kiện giảm giá thành và có lợi cho người tiêu dùng.

2. Mạng lưới bán lẻ

2.1. Số lượng

Bán lẻ là tất cả những hoạt động có liên quan đến việc bán hàng hóa hay dịch vụ trực tiếp cho người tiêu dùng để họ sử dụng cho bản thân chứ không phải để kinh doanh. Bán lẻ là một ngành quan trọng, có hình thức rất phong phú và đa dạng. So với các cơ sở sản xuất và bán buôn, họ đông gấp nhiều lần và là nguồn cung cấp việc làm rất lớn. Theo số liệu điều tra khảo sát của các huyện, thành phố,

tổng hợp lại trên địa bàn toàn tỉnh đến 30/6/2010, tổng số điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá là 5.498 điểm, trong đó:

- Số điểm kinh doanh có đăng ký kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá là 626 điểm, chiếm tỷ lệ 11,38% trong tổng số điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Số điểm kinh doanh thuốc lá có Giấy phép kinh doanh bán lẻ thuốc lá là 136 điểm, chiếm tỷ lệ 2,47% trong tổng số.

- Số điểm kinh doanh bán lẻ thuốc lá không có Giấy phép kinh doanh bán lẻ là 5.362 điểm, chiếm tỷ lệ 97,53% trong tổng số.

- Số điểm kinh doanh thuốc lá có quầy (khu vực) bán thuốc lá riêng biệt có định 31 điểm, chiếm tỷ lệ 0,56% trong tổng số.

(cụ thể theo biểu số 1 kèm sau)

2.2. Cơ cấu, quy mô

- Đến nay, việc bán lẻ sản phẩm thuốc lá chủ yếu do các thương nhân, các hộ kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế thực hiện và bán tại quầy hàng, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, hộ kinh doanh... Trên địa bàn tỉnh hiện nay không có cửa hàng chuyên kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá, việc bán lẻ sản phẩm thuốc lá chỉ là một trong những mặt hàng kinh doanh của thương nhân, hộ kinh doanh.

- Các sản phẩm thuốc lá được tiêu thụ trên địa bàn hiện nay chủ yếu là thuốc lá điều được sản xuất ở trong nước và một số lượng không đáng kể thuốc lá điều nhập khẩu hoặc do các nhà máy liên doanh trong nước sản xuất. Thuốc lá sợi hút tẩu, cuốn tay hầu như không có nhu cầu tiêu thụ. Xu hướng chung là người tiêu dùng ngày càng hạn chế sử dụng và yêu cầu cao hơn về chất lượng sản phẩm.

2.3. Kết quả bán lẻ sản phẩm thuốc lá

Theo số liệu điều tra khảo sát của các huyện, thành phố, tổng hợp trên địa bàn tỉnh cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009	6 tháng năm 2010
01	Tổng doanh thu	Tr.đ	17695686	19472403	13409408
02	Các khoản nộp ngân sách	Tr.đ	433,2	509,43	299,953
03	Tổng số bao thuốc lá bán ra	Nghìn bao	9261	97989	5766

2.4. Hiện trạng tổ chức mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá

- Hiện nay, mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã hình thành, phát triển tự phát với tốc độ nhanh và số lượng lớn, rộng khắp trên các địa bàn trong tỉnh, kể cả những vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa của tỉnh.

- Các điểm bán lẻ thường phân bố ở các chợ, đường phố, các cửa hàng thương mại trung tâm của khu vực... đảm bảo cung ứng thuận tiện, đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng.

- Việc bán lẻ sản phẩm thuốc lá tràn lan, quy mô kinh doanh nhỏ, nhà nước khó quản lý, khó kiểm tra, xử lý vi phạm.

3. Thực trạng về công tác quản lý nhà nước

3.1. Về tổ chức quản lý

- Tại Thông tư số 14/2008/TT-BCT ngày 25/11/2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18/7/2007 của Chính Phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá đã hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp; quy định cụ thể thủ tục hồ sơ, thời hạn giải quyết đề các cơ quan nhà nước thực hiện việc cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá trên địa bàn:

+ Bộ Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá cho thương nhân kinh doanh từ hai tỉnh, thành trở lên;

+ Sở Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá cho thương nhân bán buôn thuộc địa bàn tỉnh.

+ Phòng Công thương cấp huyện (nay là phòng Kinh tế và Hạ tầng) cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Nhà nước đã có các quy định thống nhất quản lý các hoạt động bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá nhưng đến nay nhiều văn bản hướng dẫn còn chưa đồng bộ hoặc chưa có nên khó khăn cho việc triển khai thực hiện, như quy định cấp Giấy phép kinh doanh (bán buôn, bán lẻ) sản phẩm thuốc lá phải có quy hoạch...

3.2. Kết quả cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá

- Theo số liệu điều tra, toàn bộ các thương nhân có kinh doanh sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh đều đăng ký kinh doanh tổng hợp, sản phẩm thuốc lá chỉ là một trong số các mặt hàng kinh doanh của thương nhân. Trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa có thương nhân nào đăng ký và chỉ chuyên kinh doanh một mặt hàng sản phẩm thuốc lá.

- Có 08 doanh nghiệp kinh doanh bán buôn thuốc lá có Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá, chiếm tỷ lệ 11,9% trong tổng số điểm bán buôn. Trong đó, có 02 Giấy phép kinh doanh bán buôn thuốc lá do Bộ Công Thương cấp (Công ty TNHH Chiến Nga; Công ty TNHH Long Hà), còn lại 06 Giấy phép do Sở Công Thương cấp.

- Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá do Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện cấp cho thương nhân trên địa bàn tỉnh: 135 Giấy phép/626 thương nhân có đăng ký kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá, chiếm tỷ lệ 21,56% trong tổng số hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh thuốc lá.

4. Thực trạng số người sử dụng thuốc lá

4.1. Khái quát về tình hình tiêu thụ thuốc lá và tác hại của thuốc lá:

- Theo đánh giá của ngành y tế, mỗi năm người Việt Nam chi 10.400 tỷ đồng để mua thuốc lá. Số tiền người dân Việt Nam bỏ ra mua thuốc lá mỗi năm tương đương với khoản chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục và đào tạo nghề

năm 2007. Chi phí cho việc mua thuốc lá của một người từ khi hút tới khi mắc bệnh là 32 triệu đồng; Mỗi người hút thuốc trong một năm tiêu hết số tiền bằng 1/3 số tiền dành cho lương thực, gấp 1,5 lần số tiền chi cho giáo dục.

- Một nghiên cứu năm gần đây của trường Đại học Y tế Công cộng cho thấy số tiền chi cho khám chữa bệnh mới chỉ cho 3 trong số 25 căn bệnh do thuốc lá gây ra trong một năm là khoảng 1.160 tỷ đồng.

- Khói thuốc lá không chỉ gây hại cho người hút thuốc mà còn nguy hiểm cho cả những người tiếp xúc thường xuyên với khói thuốc. Người hút thuốc và người hít khói thuốc đều bị ảnh hưởng như nhau. Trong 10 năm qua, mặc dù đã xây dựng được các chương trình như bệnh viện, trường học... không thuốc lá nhưng tỷ lệ người hút vẫn còn cao. Ngoài ra, việc xử phạt những người hút thuốc tại nơi công cộng vẫn chưa được thực hiện nghiêm dù đã có quy định cụ thể.

- Thị trường tiêu thụ:

+ Số người hút: Theo khảo sát những năm gần đây, trong cả nước: ở những người trưởng thành từ 18 tuổi trở lên (khoảng 62.4 triệu người) thì tỷ lệ hút thuốc ở nam giới (khoảng 30.2 triệu người) là 56.1% tương đương với 16.8 triệu người và ở nữ giới (khoảng 32.2 triệu người) là 1.8% tương đương là 57.6 ngàn người.

+ Khoảng 36.1% nam thanh niên độ tuổi 15-24 hút thuốc thường xuyên, 15.2% số người hút thuốc dưới 30 tuổi cho biết bắt đầu hút thuốc từ trước 15 tuổi, 22,8% bắt đầu từ lứa tuổi 16-17, 61% bắt đầu từ 18-25 tuổi (theo điều tra Y tế Quốc gia).

+ Địa lý: Tỷ lệ hút thuốc ở nông thôn chiếm 51.3%, còn thành thị chiếm 45%. (nguồn: Điều tra Quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên Việt Nam);

+ Đối với nam giới, nhóm tuổi có tỷ lệ hút thuốc cao nhất là độ tuổi lao động từ 20 đến 50 tuổi, đa phần thuộc nhóm nông dân hoặc người lao động chân tay; (nguồn: Theo chương trình phòng chống tác hại thuốc lá tại Việt Nam).

+ Trong giới học sinh trung học cơ sở độ tuổi 13-15 tuổi đang sử dụng thuốc lá chiếm tỷ lệ từ 3-8%, ở thầy giáo là 50%; (theo khảo sát của Bộ Y tế). Trong sinh viên Y khoa năm thứ 3 có 20,7% sinh viên nam và 2,7% sinh viên nữ hút thuốc (theo điều tra của WHO).

+ Nguy cơ bệnh tật cao lại hút thuốc nhiều, thuốc chất lượng thấp,..gây ra các bệnh liên quan như: Tỷ lệ ung thư phổi và tỷ lệ bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính cao gấp 10 lần; Ung thư miệng cao gấp 27 lần; Ung thư thanh quản cao gấp 12 lần; Những người không hút thuốc nhưng thường xuyên hít phải khói thuốc có nguy cơ mắc bệnh ung thư phổi cao hơn 26%, mắc bệnh mạch vành cao hơn 20-30% so với những người không hít phải khói thuốc (nguồn: Chương trình phòng chống tác hại thuốc lá tại Việt Nam).

+ Tuổi thọ, tỷ lệ tử vong do hút thuốc lá: Trung bình người hút thuốc chết sớm hơn người không hút thuốc khoảng 23 năm. Tại Việt Nam, mỗi năm thuốc lá giết chết khoảng 40.000 người, có nghĩa là mỗi ngày có hơn 100 người chết vì bệnh do hút thuốc gây nên. Tỷ lệ hút thuốc trong thanh thiếu niên đang có xu hướng ngày càng tăng, độ tuổi hút cũng sớm hơn. Ước tính ngưỡng thấp nhất con số này sẽ tăng thành 70.000 người một năm vào năm 2030.

4.2. Thực trạng số người hút thuốc lá trên địa bàn tỉnh

Sở Công Thương đã phối hợp với các huyện, thành phố tổ chức điều tra, khảo sát tình hình sử dụng thuốc lá trên địa bàn tỉnh, theo số liệu báo cáo của các huyện, thành phố, tổng hợp kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số người từ 18 tuổi trở lên (dựa theo quyết định 1315/QĐ-TTg, ngày 21/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước khung kiểm soát thuốc lá) trên địa bàn toàn tỉnh là 1.068.989 người, trong đó số người hút thuốc lá là 152.173 người chiếm 14,26 % so với tổng số, trong đó: nam là 144.534 người, chiếm 28% trong tổng số nam giới từ 18 tuổi trở nên và nữ là 7.636 người, chiếm 1,4% trong tổng số người trong độ tuổi.

- Số người mắc các căn bệnh liên quan đến thuốc lá ở Bắc Giang là khá lớn, trong tổng người hút thuốc (trong độ tuổi từ 18 trở lên) thì có khoảng 30% mắc các bệnh về đường hô hấp, tim, mạch..., và có khoảng 5% tổng dân số của tỉnh mắc các căn bệnh liên quan đến thuốc lá (bao gồm cả những người hút thuốc thụ động).

- Xu hướng chung là số người hút thuốc lá giảm, ngày càng có nhiều người dân tự nguyện bỏ thói quen hút thuốc lá, đặc biệt là đối tượng là cán bộ công chức trong các cơ quan nhà nước. Trong các việc hiếu, hỷ... thực hiện nếp sống mới không mời hút thuốc lá đã bước đầu được nhân dân ủng hộ, thực hiện. Tuy nhiên tỷ lệ hút thuốc trong thanh thiếu niên đang có xu hướng ngày càng tăng, độ tuổi hút cũng sớm hơn...

- Số lượng thuốc lá điều tiêu thụ cũng giảm mạnh, cơ cấu chủng loại sản phẩm thuốc lá tăng dần với các sản phẩm thuốc lá trung, cao cấp; thuốc lá cấp thấp giảm, thuốc lá sợi cuốn tay hầu như không còn, kể cả địa bàn nông thôn miền núi trong tỉnh có truyền thống trồng thuốc lá lâu năm, có số người hút thuốc lá nhiều.

5. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

5.1. Tồn tại, hạn chế

- Thực trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của ngành thương mại trên địa bàn tỉnh vừa thiếu, vừa không đồng bộ, lạc hậu chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới kinh doanh hiện nay;

- Hệ thống phân phối mang nặng tính tự phát, thiếu ổn định và chưa bền vững, đồng bộ từ bán buôn đến bán lẻ. Số người kinh doanh bán lẻ nhiều nhưng phân tán, quy mô nhỏ, thường được kinh doanh với các mặt hàng khác và phần lớn chưa có khu vực bày bán thuốc lá riêng biệt.

- Việc kinh doanh sản phẩm thuốc lá còn buông lỏng, chưa quản lý được; kinh doanh bán buôn, bán lẻ thuốc lá chủ yếu không có Giấy phép kinh doanh. Tình trạng buôn lậu thuốc lá diễn biến phức tạp với những phương thức, thủ đoạn hoạt động tinh vi và đa dạng, một số cửa hàng vẫn bán thuốc lá ngoại nhập lậu.

- Thuốc lá là mặt hàng hạn chế kinh doanh nhưng việc bán lẻ thuốc lá đã phát triển rộng rãi dưới mọi hình thức trên tất cả các địa bàn, tạo thành thói quen tiêu dùng và khó khăn cho công tác quản lý;

- Trên địa bàn tỉnh còn thiếu những doanh nghiệp có tiềm lực cũng như kinh nghiệm với phương pháp quản trị tiên tiến làm đầu tàu tiên phong để lôi kéo, dẫn dắt và liên kết các doanh nghiệp khác lại thành một hệ thống phân phối theo hướng hiện đại, thuận tiện;

- Phương thức kinh doanh chậm được đổi mới và chưa theo kịp với xu thế chung của khu vực và thế giới. Nhất là từ năm 2009, Việt Nam mở cửa thị trường

bán lẻ theo cam kết khi tham gia Tổ chức Thương mại thế giới WTO nên sức ép hội nhập, cạnh tranh thị trường dịch vụ phân phối ngày càng rõ rệt.

- Việc nắm bắt và xử lý thông tin thị trường của đội ngũ cán bộ thương mại trong tỉnh chưa kịp thời; công tác kiểm tra, kiểm soát việc kinh doanh thuốc lá còn hạn chế, vẫn còn thuốc lá ngoại nhập lậu lưu thông trên thị trường nhưng chưa được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời.

5.2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Do tốc độ kinh tế của tỉnh phát triển chưa cao, dân cư trên địa bàn chủ yếu sống ở nông thôn, làm nông nghiệp, thu nhập thấp nên sức mua kém; thị trường chưa thật phát triển sôi động.

- Các doanh nghiệp kinh doanh thương mại của Bắc Giang quy mô nhỏ, vốn ít, cơ sở vật chất lạc hậu, trình độ quản lý kinh doanh hạn chế nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình mở rộng kinh doanh và phát triển thị trường.

- Việc kinh doanh sản phẩm thuốc lá mang lại lợi nhuận cao, dễ thực hiện, do đó mặc dù Nhà nước hạn chế kinh doanh nhưng việc kinh doanh tự phát, trốn lậu thuế, buôn lậu thuốc lá vẫn tồn tại và khó quản lý.

- Quy hoạch định hướng và chi tiết mạng lưới cung ứng dịch vụ thương mại còn chưa đồng bộ, nhiều quy hoạch chi tiết mạng lưới chưa được triển khai xây dựng, đặc biệt là đối với những mặt hàng hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện.

- Do cơ chế, chính sách Nhà nước về quản lý kinh doanh sản phẩm thuốc lá ban hành còn chưa đồng bộ hoặc đang trong quá trình triển khai nên cần phải có thời gian để thực hiện.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Chưa chú trọng công tác tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật nhà nước về thương mại nói chung và về kinh doanh thuốc lá nói riêng để người dân biết, thực hiện. Công tác quản lý nhà nước về thương mại còn chậm đổi mới, chưa có các biện pháp thiết thực, hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ công chức quản lý nhà nước về thương mại còn hạn chế; một số bộ phận công chức chưa gương mẫu trong công tác phòng chống tác hại của thuốc lá.

- Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe về phòng, chống tác hại của thuốc lá chưa được tiến hành thường xuyên, chưa có sức thuyết phục cao cho nên thói quen hút thuốc và nhận thức của người dân về tác hại của việc hút thuốc lá chậm thay đổi. Việc phối hợp liên ngành trong công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá chưa đồng bộ và chưa huy động được nhiều nguồn lực của xã hội tham gia vào công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá. Trách nhiệm xã hội đối với việc vận động giảm, bỏ hút thuốc lá của một số tổ chức, cơ quan, đơn vị còn hình thức.

- Tình trạng quảng cáo, khuyến mại, tiếp thị và tài trợ của một số công ty thuốc lá vẫn được thực hiện dưới nhiều hình thức. Giá bán sản phẩm thuốc lá thấp nên chưa có tác dụng hạn chế người sử dụng. Lời cảnh báo sức khỏe trên vỏ bao thuốc lá còn chung chung, không gây ấn tượng mạnh với người tiêu dùng, do đó còn hạn chế tác dụng cảnh báo đối với người nghiện thuốc lá và ngăn ngừa người bắt đầu hút thuốc lá, nhất là đối tượng thanh, thiếu niên.

6. Đánh giá chung

- Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ nói chung và việc kinh doanh sản phẩm thuốc lá nói riêng phát triển, thông thoáng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, hàng hoá ngày càng phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh.

- Mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn hình thành, hoạt động mang tính tự phát, thiếu đồng bộ và tính chuyên nghiệp cả ở lĩnh vực bán buôn cũng như lĩnh vực bán lẻ.

- Cửa hàng chuyên doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh hầu như chưa có; việc bán lẻ sản phẩm thuốc lá chủ yếu được kinh doanh chung trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp và không có khu trưng bày riêng biệt theo đúng quy định.

- Công tác quản lý nhà nước về thương mại còn một số bất cập, còn buông lỏng quản lý, chưa tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh đối với các hành vi kinh doanh không có đăng ký kinh doanh, không có giấy phép kinh doanh và kinh doanh thuốc lá ngoại nhập lậu, thuốc lá giả.

Phần thứ ba

QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020

I. DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUY HOẠCH

1. Tác động của bối cảnh trong nước và thế giới

1.1. Thế giới

- Cùng với sự lan rộng của việc hút thuốc lá là vấn đề toàn cầu với những hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe, xã hội, kinh tế và môi trường. Sự gia tăng trong sản xuất và tiêu thụ thuốc lá cùng các sản phẩm thuốc lá khác trên toàn cầu, đặc biệt tại các nước đang phát triển, cũng như trước gánh nặng mà tình trạng này gây ra đối với các gia đình, người nghèo và các hệ thống y tế quốc gia. Khoa học đã chứng minh một cách rõ ràng rằng việc sử dụng thuốc lá và phơi nhiễm với khói thuốc là nguyên nhân dẫn đến tử vong, bệnh tật và tàn phế. Do đó, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã ban hành Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá, có hiệu lực từ năm 2005 nhằm tăng cường các biện pháp kiểm soát thuốc lá, giảm thiểu một cách liên tục và mạnh mẽ việc sử dụng thuốc lá để hạn chế các hậu quả về xã hội, kinh tế và môi trường.

- Ngành thuốc lá trên toàn cầu hiện nay đang phải đương đầu với sức ép ngày càng tăng từ môi trường xã hội, dư luận về các tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe con người, đặc biệt sức ép từ các phong trào xã hội của các quốc gia và chương trình phòng chống thuốc lá của Tổ chức Y tế thế giới.

- Nhiều quốc gia tăng cường, siết chặt kiểm soát thuốc lá: Thượng viện Mỹ đã đồng ý thông qua dự luật nhằm kiểm soát chặt hơn đối với các công ty thuốc lá; Hội Kiểm soát thuốc lá Trung Quốc thông báo sẽ tăng thuế thuốc lá thêm từ 6% đến 11% nhằm tăng công quỹ và hạn chế thói quen hút thuốc lá; Hút thuốc nơi

công cộng sẽ bị phạt 6 tháng tù và khoản tiền 420 USD tại Indonesia; Hút thuốc nơi công cộng sẽ bị phạt 450 euro tại Pháp; ...

- Theo dự báo của Tổ chức Y tế Thế giới, đến năm 2020, số người chết vì thuốc lá sẽ nhiều hơn tổng số người chết do HIV/AIDS, bệnh lao và tai nạn giao thông đường bộ cộng lại. Dự báo tới năm 2030, cứ 6 người sẽ có một người chết do thuốc lá, nghĩa là mỗi năm thuốc lá cướp đi sinh mạng của 10 triệu người; Nguy cơ bị ung thư phổi ở người hút thuốc thụ động cao hơn 30%-100% so với người không tiếp xúc với môi trường khói thuốc, 17% các trường hợp bị ung thư phổi ở người không hút thuốc lá là do hít phải khói thuốc trong gia đình từ khi còn trẻ...

1.2. Trong nước

- Từ khi Việt nam gia nhập WTO đến nay, ngành thuốc lá đã đạt được những kết quả tăng trưởng tốt, thể hiện qua các chỉ tiêu như nộp ngân sách đạt trên 7.500 tỷ đồng (tăng 20%) và xuất khẩu đạt trên 90 triệu USD (tăng 30%), cơ cấu chủng loại sản phẩm chuyển biến theo hướng tăng dần tỷ trọng thuốc lá trung cao cấp, giảm tỷ trọng thuốc lá phổ thông giá thấp.

- Việt Nam tham gia Công ước khung về kiểm soát thuốc lá của Tổ chức Y tế thế giới, ngày 21/8/2009 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1315/QĐ-TTg Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước khung về kiểm soát thuốc lá.

- Cam kết với WTO: Việt Nam cam kết mở cửa thị trường thuốc lá điều nhập khẩu, được áp dụng cơ chế thương mại nhà nước, doanh nghiệp nhập khẩu là Tổng công ty Thuốc lá Việt nam; nguyên liệu thuốc lá sẽ áp dụng biện pháp hạn ngạch thuê quan; Các mặt hàng thuốc lá tiếp tục thực hiện cắt giảm thuế hàng năm theo cam kết với WTO với mức thuế cuối cùng của xì gà là 100% vào 2012 và của thuốc điều là 130% vào 2010.

- Cam kết với Khu vực mậu dịch tự do ASEAN: Các mặt hàng thuốc lá đều được cam kết để trong Danh mục loại trừ hoàn toàn, không tham gia cắt giảm thuế về mức 0-5% để tham gia tự do mậu dịch ASEAN; các mặt hàng thuốc lá đều được đưa vào danh mục nhạy cảm cao, có lộ trình giảm thuế chậm và mức thuế cuối cùng cao.

Để thực hiện các cam kết trên, Việt Nam đã tiến hành hoàn thiện khung pháp lý, nghiên cứu sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan theo nguyên tắc: Đảm bảo khả năng cạnh tranh của ngành thuốc lá Việt nam, Nhà nước có thể kiểm soát được sản xuất, tiêu thụ thuốc lá và thực hiện được các cam kết của Việt nam khi hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể: Sửa đổi chính sách thuế (đưa về một mức thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế suất 65%, áp dụng cho tất cả các loại thuốc lá điều); Ban hành Chỉ thị 12/2007/CT – TTg ngày 10/5/2007 về việc “Tăng cường các hoạt động phòng chống tác hại thuốc lá”: trong đó bổ sung các quy định cụ thể và chặt chẽ để tăng cường thực thi các quy định cấm hút thuốc lá nơi làm việc và công cộng, tăng cường các hoạt động kiểm soát kinh doanh các sản phẩm thuốc lá, tăng cường thực hiện các quy định cấm quảng cáo, khuyến mãi tiếp thị tài trợ thuốc lá...; Quyết định phê duyệt chiến lược tổng thể ngành thuốc lá Việt nam đến năm 2010 và tầm nhìn năm 2020 với quan điểm: Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý ngành thuốc lá phù hợp với cam kết WTO, từng bước thực hiện Công ước khung về kiểm soát thuốc lá; Hợp tác quốc tế trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc chung của hội nhập kinh tế quốc tế và các cam kết quốc tế của Việt nam; Nghị định 119/2007/NĐ-CP về sản xuất và kinh doanh thuốc lá thay thế Nghị định 76

(từ năm 2001), tạo hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư, kinh doanh thuốc lá trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế;

- Phần lớn những người hút thuốc bắt đầu hút thuốc trong độ tuổi 15-25, và người nghèo bắt đầu hút thuốc sớm hơn người giàu. Thuốc lá là nguyên nhân làm nhiều hộ gia đình bị rơi vào nhóm nghèo. Nếu số tiền chi tiêu cho thuốc lá được sử dụng mua lương thực, thực phẩm cho gia đình thì 11,2% trong số hộ gia đình nghèo lương thực, thực phẩm sẽ thoát nghèo. Tiêu dùng thuốc lá không chỉ gây nên nghèo đói mà còn làm tăng khoảng cách của bất bình đẳng, tăng khoảng cách giàu nghèo.

1.3. Địa phương

Cùng với cả nước thực hiện Chương trình Quốc gia phòng, chống tác hại thuốc lá từ năm 2000-2010, trong những năm qua công tác tuyên truyền, vận động đã được các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể trong tỉnh quan tâm hưởng ứng thực hiện. Ngành truyền thông tăng cường các hoạt động tuyên truyền vận động mọi người giảm, bỏ hút thuốc lá, nhận thức được tác hại của việc hút thuốc lá đối với sức khỏe mỗi người và ảnh hưởng chung tới cộng đồng...; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 815/KH-UBND, ngày 26/4/2010 thực hiện Công ước khung về kiểm soát thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; ban hành Quy chế văn hóa công sở, theo đó tổ chức công đoàn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện cuộc vận động: không khói thuốc nơi công sở đã được nhiều người đồng tình ủng hộ.

Với những cảnh báo về sự nguy hại của thuốc lá đối với cơ thể con người cùng với những chi phí tốn kém để chi trả cho việc hút thuốc lá, dự báo trong thời gian tới, số lượng người hút thuốc trên địa bàn tỉnh sẽ giảm dần theo các năm.

2. Triển vọng phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh đến năm 2020

2.1. Dự báo phát triển dân số, cơ cấu dân số

Dự báo đến năm 2020 dân số Bắc Giang khoảng 1.817.100 người. Dân số đô thị sẽ tăng khá nhanh thời kỳ 2010-2020, dự báo từ 9-10%, nguyên nhân do việc hình thành và mở rộng các khu đô thị mới tại thành phố Bắc Giang và các thị trấn trong tỉnh. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ tăng nhanh.

2.2. Dự báo phát triển kinh tế - xã hội

- Tốc độ tăng trưởng GDP: Năm 2010: 9,1%; năm 2011: 11 %; năm 2012: 11,6%; năm 2013: 12,1 %; năm 2014: 12,6 %; năm 2015: 12,8%, đến năm 2020 ước đạt 12-13,5%.

- Định hướng cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp.

Về Công nghiệp: Trong điều kiện sản xuất công nghiệp chưa phát triển mạnh theo chiều sâu, mức độ đổi mới công nghệ, thiết bị còn thấp; hầu hết các doanh nghiệp dân doanh quy mô nhỏ bé, năng lực quản lý, năng lực tài chính còn yếu, hơn nữa ngành công nghiệp sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng của hậu quả cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu trong những năm đầu của giai đoạn đến năm 2015. Trong những năm tới việc giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng trong và ngoài hàng rào các khu, cụm công nghiệp, tạo quỹ “đất sạch” cho các nhà đầu tư, thu hút đầu tư lấp đầy các khu, cụm công nghiệp sẽ được quan tâm hơn, tạo điều kiện để khu, cụm công nghiệp thực sự trở thành động lực tăng trưởng kinh tế. Đồng thời,

tạo điều kiện để các dự án lớn đã đăng ký đầu tư sớm đầu tư và đi vào sản xuất kinh doanh, đóng góp thiết thực vào tăng trưởng công nghiệp của tỉnh; đến năm 2015 sẽ hình thành 44 cụm công nghiệp, với tổng diện tích khoảng 900 ha trên địa bàn toàn tỉnh, dự kiến lấp đầy khoảng 75%. Dự báo giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2015 sẽ đạt khoảng 11.200 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 đến năm 2020 ước đạt 25,1%/năm đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh.

Về Thương mại - Dịch vụ: Đây là khu vực mà tỉnh Bắc Giang còn nhiều tiềm năng để phát triển, do vậy dự báo trong những năm tới việc tạo lập môi trường thuận lợi và sự đầu tư thoả đáng nhằm phát triển mạnh khu vực này được chú trọng hơn; tập trung ưu tiên phát triển các thị trường dịch vụ tiềm năng như bất động sản, viễn thông và công nghệ thông tin; khoa học - công nghệ, thương mại; dịch vụ tài chính - tiền tệ; vận tải, dịch vụ kho bãi và giao nhận, logistics, du lịch... Dự báo đến năm 2015 tổng mức lưu chuyển hàng hóa dịch vụ bán lẻ đạt 17.120 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 đến năm 2020 đạt khoảng 19,6 %/năm.

Dự báo phát triển kinh tế xã hội

Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2010	Giai đoạn 2011-2015					Tốc độ tăng BQ năm thời kỳ 2011-2015(%)
			Ư 2011	Ư 2012	Ư 2013	Ư 2014	Ư 2015	
1. Tổng giá trị gia tăng (theo giá so sánh 1994)								
- Tốc độ tăng trưởng	%	9,1	11	11,6	12,1	12,6	12,8	
- GDP bình quân đầu người								
+ Giá thực tế	1000 đồng	11700	14356	17279	20939	25316	28980-30560	19-20
+ Quy đổi sang USD	USD/ng	635	718	843	997	1178	1315-1380	15-16
2. Cơ cấu GDP (giá thực tế)								
+ Nông, lâm, ng nghiệp	%	32,7	30	27,8	25,8	23,9	24-22	
+ Công nghiệp - Xây dựng	%	33,2	35	36,5	38	39,4	38,5-40	
+ Dịch vụ	%	34,1	35	35,7	36,2	36,7	37,5-38	
3. Xuất, nhập khẩu								
- Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tr USD	300	420	500	650	750	800	21,7
- Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tr USD	305	400	420	450	550	600	14,5
4. Tổng thu ngân sách								
	Tỷ đg	1255,4	1706	1850	2100	2300	2550	8
5. Chi ngân sách								
	Tỷ đg	3866,0	4485	5202	6034	7000	8120	

Về Nông nghiệp: Dự báo giai đoạn tới sản xuất nông nghiệp sẽ tiếp tục phải đối mặt với một số khó khăn: Diện tích cây lương thực có hạt có xu hướng giảm dần; diện tích cây ăn quả, nhất là cây vải thiều sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới; những diễn biến khó lường của thời tiết như: hạn hán, lũ lụt... các loại dịch bệnh mới trên cây trồng, vật nuôi; nhiều yếu tố đầu vào trong sản xuất nông nghiệp tăng lên, giá

thành sản phẩm nông nghiệp bị đẩy lên, hiệu quả sản xuất sẽ thấp đi và tính cạnh tranh của sản phẩm càng trở nên bấp bênh, hơn nữa trong năm 2010, thuế xuất nhập khẩu nông sản sẽ giảm dần theo lộ trình gia nhập WTO, khi đó, nhiều mặt hàng nông sản ngoại nhập sẽ chiếm lĩnh thị trường, đi kèm yếu tố biến đổi và tạo dựng thương hiệu cũng khiến cho khâu lưu thông, xuất khẩu nông sản bị hạn chế. Dự báo trong những năm tới sản xuất lâm nghiệp và thủy sản sẽ tăng cao hơn, song tỷ trọng đóng góp vào giá trị sản xuất ngành nông nghiệp không đáng kể, chủ yếu dựa vào tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi, ngành chăn nuôi sẽ trở thành ngành sản xuất chính trong sản xuất nông nghiệp.

Về Lao động - Việc làm: Hàng năm Bắc Giang có gần 22.000 học sinh tốt nghiệp THPT, lớn nhất so với các tỉnh miền núi phía Bắc. Đây là một nguồn lực đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới. Dự kiến đến năm 2015, số lao động trong độ tuổi có khả năng lao động khoảng 953 nghìn người; mỗi năm giải quyết việc làm mới cho khoảng 25.500 lao động. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn khoảng 4,6%; tỷ lệ sử dụng thời gian lao động của lực lượng lao động trong độ tuổi ở nông thôn đạt 91%.

Thu - Chi ngân sách: Dự kiến đến năm 2015 thu ngân sách địa phương trên địa bàn (không tính tiền đầu giá quyền sử dụng đất và xố số kiến thiết) đạt 2.300 tỷ đồng, tăng bình quân 22,18%/năm, đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là ưu tiên cho mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Năm 2015, chi ngân sách địa phương dự kiến 8.120 tỷ đồng, tăng bình quân 16%/năm; đảm bảo mức chi thường xuyên trong thời kỳ ổn định ngân sách và dự kiến chi đầu tư phát triển 2.700 tỷ đồng, chiếm 33,3% tổng chi ngân sách.

2.3. Dự báo phát triển đô thị

- Với định hướng mở rộng không gian thành phố Bắc Giang trở thành trung tâm kinh tế - chính trị của tỉnh, hình thành các khu đô thị mới với hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, cải tạo cảnh quan môi trường sống văn minh, sạch đẹp và tiện nghi hiện đại.

- Định hướng quy hoạch thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn (trung tâm hệ thống đô thị phía Đông) và thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà (trung tâm hệ thống đô thị phía Tây) thành đô thị loại IV.

- Quy hoạch phát triển mở rộng các thị trấn, thị tứ: Gắn với định hướng quy hoạch phát triển các đô thị, thị trấn, thị tứ và thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong thời gian tới sẽ phát triển đồng bộ các loại kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó có hạ tầng thương mại.

2.4. Dự báo về thu nhập bình quân

- Giai đoạn 2010 – 2015 mục tiêu phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân đầu người (quy đổi sang USD) đạt khoảng 15-16%; giai đoạn 2016 – 2020 tăng trưởng bình quân đạt khoảng 20%/năm.

3. Dự báo về các nguồn cung và nhu cầu tiêu thụ thuốc lá của tỉnh

3.1. Dự báo các nguồn cung ứng sản phẩm thuốc lá:

- Tổng công ty thuốc lá Việt Nam: Sản lượng tiêu thụ thuốc lá điều của Tổng công ty đạt 2500- 3000 triệu bao/năm, chiếm 60% sản lượng của toàn ngành và tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng sản phẩm trung, cao cấp. Sản phẩm Vinataba chiếm trên 10% thị phần theo sản lượng.

- Ngành kinh doanh thuốc lá Khatoco: Tổng sản lượng thuốc lá điều sản xuất – tiêu thụ nội địa đạt 608,7 triệu bao/năm; xuất khẩu 56,4 triệu bao/năm. Vùng nguyên liệu thuốc lá do Khatoco trực tiếp đầu tư và liên kết đầu tư tại các tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Gia Lai, Tây Ninh, Cao Bằng có tổng diện tích 2.300ha, sản lượng thu hoạch 3.500 tấn. So với toàn ngành thuốc lá Việt Nam, Khatoco chiếm tỷ trọng 15,2% về sản lượng, xếp thứ hai sau Tổng công ty thuốc lá Việt Nam.

Ngoài hai đầu mối chủ yếu trên, các nguồn cung khác không đáng kể.

- Đến năm 2015: Thuốc lá đầu lọc đạt 100%, thuốc lá trung, cao cấp tăng dần và đạt tỷ lệ 55% trong sản lượng tiêu thụ. Đến năm 2020: Thuốc lá đầu lọc trung, cao cấp là chủ yếu, chiếm tỷ trọng 65%. Tỷ lệ nội địa hóa nguyên liệu đạt 70%.

- Dự báo cơ cấu sản phẩm: cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng sản lượng tiêu thụ thuốc lá trung cao cấp, giảm dần thuốc lá phổ thông cấp thấp.

Cơ cấu sản phẩm	Tỷ lệ (%)		
	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
Thuốc lá cao cấp	27,0	32,0	35,0
Thuốc lá trung cấp	10,5	23,0	30,0
Thuốc lá phổ thông	62,5	45,0	35,0
Tổng số	100,0	100,0	100,0

3.2. Dự báo tỷ lệ người hút thuốc lá giai đoạn 2010-2015, có tính đến 2020:

- Một số khách hàng hoặc chết vì những căn bệnh liên quan đến thuốc lá hoặc bỏ hút thuốc hàng năm nên ngành công nghiệp thuốc lá cần phải có thêm rất nhiều người hút thuốc để thay thế mỗi ngày. Những khách hàng mới này được thu hút phần lớn từ những người ở độ tuổi thanh, thiếu niên mà ngành công nghiệp thuốc lá nhắm tới thông qua các chiến lược tiếp thị của mình. Bên cạnh đó, phần lớn phụ nữ hiện nay không hút thuốc, các công ty thuốc lá đang tích cực xúc tiến các hoạt động nhằm khai thác thị trường mới tiềm năng này với nhiều loại sản phẩm thuốc lá dành cho phụ nữ. Khi tỉ lệ nam giới hút thuốc đang giảm theo tốc độ chậm thì tỉ lệ nữ giới hút thuốc lại đang có chiều hướng gia tăng, như vậy, với đối tượng là nữ giới, các công ty thuốc lá có nhiều cơ hội để mở rộng thị trường.

- Tuy nhiên, Chương trình phòng, chống tác hại của thuốc lá quốc gia nói chung và các địa phương nói riêng sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động phòng chống tác hại của thuốc lá trong những giai đoạn tiếp theo. Tập trung triển khai các hoạt động nhằm làm giảm nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thuốc lá, đặc biệt là các hoạt động trọng tâm như thông tin, giáo dục, truyền thông về tác hại của thuốc lá, đưa nội dung về phòng chống tác hại của thuốc lá vào chương trình giảng dạy tại các trường phổ thông, các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; đẩy mạnh việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng chống tác hại của thuốc lá đã ban hành; phối hợp với các Bộ ngành xây dựng các quy định phòng chống tác hại của thuốc lá phù hợp với thực tế từng giai đoạn, nhằm hạn chế sự tăng trưởng số lượng người hút thuốc hàng năm.

- Căn cứ một số nhận định trên, dự báo số lượng người hút thuốc sẽ tăng dần từ nay đến hết giai đoạn 2015, sau khi cơ bản nhận rõ được tác hại của việc hút thuốc và các chủ trương, biện pháp giảm thuốc lá đã phát huy tác dụng và đi vào cuộc sống thì dự báo số người hút thuốc sẽ giảm.

- Dự báo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2020, tỷ lệ tỷ lệ nam giới trong độ tuổi hút thuốc lá từ 14,3% giảm xuống còn 10%; tỷ lệ nữ giới hút thuốc lá xuống dưới 1% (mục tiêu của Chương trình quốc gia: Nam từ 50% giảm còn 20%; nữ còn dưới 2%).

II. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI BÁN BUÔN BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ ĐẾN NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

1. Quan điểm quy hoạch

- Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá phải quán triệt quan điểm Nhà nước thống nhất quản lý đối với các hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá; sản phẩm thuốc lá là mặt hàng hạn chế kinh doanh, không khuyến khích tiêu dùng. Nhà nước thực hiện kiểm soát về mức cung cấp sản phẩm thuốc lá ra thị trường; kiểm soát việc lưu thông, tiêu thụ các sản phẩm thuốc lá trên thị trường thông qua Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá phải đảm bảo phù hợp với từng địa bàn dân cư và tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội của địa phương; đảm bảo phân bố hợp lý giữa các thị trường: thành thị, nông thôn và miền núi. Kết hợp việc bán sản phẩm thuốc lá với các dịch vụ thương mại khác và hình thành những địa điểm cố định bán Sản phẩm thuốc lá;

- Quy hoạch phải phù hợp với chính sách pháp luật Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Công Thương và các bộ ngành liên quan; phù hợp với " Chính sách quốc gia phòng chống tác hại của thuốc lá" và các nội dung có liên quan theo Kế hoạch thực hiện Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá kèm theo Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch là cơ sở để lập lại trật tự trong kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá; tổ chức, sắp xếp lại hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá theo hướng Nhà nước nắm vững thị trường bán buôn, tiến tới kiểm soát được hệ thống bán lẻ sản phẩm thuốc lá; chỉ cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá cho các thương nhân có địa điểm phù hợp quy hoạch và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Làm căn cứ để các cơ quan nhà nước thực hiện kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá; hạn chế và tiến tới chấm dứt kinh doanh không có Giấy phép; chống kinh doanh thuốc lá nhập lậu, gian lận thương mại. Thực hiện các biện pháp điều tiết thị trường nhằm giảm nhu cầu sử dụng, kiểm soát và giảm mức cung cấp các sản phẩm thuốc lá; giảm tỷ lệ mắc và chết do các bệnh liên quan đến thuốc lá. Đảm bảo quyền của những người không hút thuốc lá được sống trong bầu không khí không có khói thuốc lá.

- Tạo cơ sở pháp lý để các thương nhân chủ động về kế hoạch đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp các điểm bán sản phẩm thuốc lá hiện có; chú trọng tới việc hiện đại hoá thiết bị vận chuyển, bảo quản chất lượng sản phẩm, giảm thiểu độc hại, bảo vệ môi trường;

- Mục tiêu đến năm 2015, toàn bộ các điểm bán buôn hoạt động trên địa bàn tỉnh phải là các thương nhân đủ điều kiện quy định theo pháp luật và các tiêu chí quy định tại quy hoạch này.

- Đến năm 2020: Việc bán lẻ sản phẩm thuốc lá chỉ được thực hiện tại các địa điểm theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Định hướng quy hoạch

3.1. Định hướng chung

- Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá trong cả nước; Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh, của các huyện, thành phố; Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại và các quy hoạch phát triển ngành liên quan.

- Quy hoạch phải đảm bảo tính khoa học nhằm phát huy hiệu quả hoạt động và hạn chế tối đa tác hại của việc hút thuốc lá.

- Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo khu dân cư, tại các chợ, trung tâm thương mại và theo các loại hình kinh doanh. Chỉ bổ sung các điểm bán buôn, bán lẻ tại các khu dân cư ở các khu đô thị mới và các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị được đầu tư phát triển, cải tạo nâng cấp theo quy hoạch.

- Định kỳ tổ chức rà soát tình hình thực hiện Quy hoạch để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

3.2. Đối với mạng lưới bán buôn

- Xây dựng và hình thành mạng lưới bán buôn sản phẩm thuốc lá, được bố trí ở các địa bàn thành phố, thị trấn khu vực trung tâm có vị trí quan trọng, thuận lợi giao thông nhằm làm đầu mối liên kết, cung ứng hàng hóa cho thị trường.

- Chỉ quy hoạch điểm bán buôn sản phẩm thuốc lá tại các địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn và trung tâm thương mại loại 1 trên địa bàn tỉnh. Điểm bán buôn phải thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá của các doanh nghiệp đầu mối theo quy định của pháp luật.

- Doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chí quy định tại quy hoạch này và các quy định pháp luật liên quan.

3.3. Đối với mạng lưới bán lẻ

- Quy hoạch mạng lưới cửa hàng bán lẻ phù hợp với các địa bàn dân cư, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định. Thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá, các điểm bán lẻ phải đảm bảo các tiêu chí quy định.

- Quy hoạch xác định số lượng tối đa các điểm bán lẻ thuốc lá cho từng xã, phường. Việc bố trí điểm bán lẻ cụ thể trong địa bàn xã, phường giao cho UBND huyện, thành phố; tổng số điểm bán lẻ trên địa bàn không vượt quá số lượng điểm bán lẻ được quy định trong quy hoạch này.

- Trong trường hợp số thương nhân trên địa bàn đăng ký đề nghị cấp Giấy phép nhiều hơn số lượng tối đa các điểm bán lẻ Quy hoạch thì ưu tiên lựa chọn thương nhân đã kinh doanh sản phẩm thuốc lá và chấp hành tốt chính sách pháp

luật nhà nước trong kinh doanh, nộp thuế đầy đủ, có cửa hàng thuận tiện, kang trang để cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Quy hoạch mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá ưu tiên bố trí các điểm bán lẻ tại các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ và các khu đô thị mới; đến năm 2020 thì việc bán lẻ sản phẩm thuốc lá được thực hiện chủ yếu ở những địa điểm cố định tại các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, thị trấn thị tứ, trung tâm cụm xã...

- Không quy hoạch các điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho các thương nhân có địa điểm kinh doanh tại cơ quan, nơi làm việc; tại trường học, bệnh viện; trên các phương tiện giao thông công cộng; những nơi có quy định cấm hút thuốc lá theo quy định hiện hành; các địa điểm có khoảng cách gần trường học, bệnh viện (cách công 200m và đường ranh giới 30 m); các điểm bán lẻ bằng máy bán hàng tự động, bán qua mạng Internet.

3.4. Các phương án quy hoạch

Căn cứ Nghị định 92/2006/NĐ-CP, ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, Sở Công Thương đã nghiên cứu, xây dựng 02 phương án quy hoạch, cụ thể như sau:

3.4.1. Phương án 1

- Quy hoạch các điểm bán buôn, bán lẻ căn cứ vào số người hút thuốc (nghiện) theo số liệu điều tra ở từng địa bàn của mỗi địa phương.

- Ưu nhược điểm của Phương án 1:

+ Ưu điểm: Xác định số điểm bán buôn, bán lẻ với số lượng vừa phải, sát với nhu cầu tiêu dùng .

+ Nhược điểm: Các điểm bán buôn, bán lẻ bố trí thụ động, phân bố không đều. Tính chính xác của quy hoạch không cao, do căn cứ vào số người hút thuốc lá là số liệu điều tra suy rộng.

3.4.2. Phương án 2

- Quy hoạch các điểm bán buôn, bán lẻ căn cứ vào số lượng dân số mỗi địa phương, quy mô chợ, trung tâm thương mại, siêu thị và các tiêu chí xây dựng quy định số điểm bán buôn, bán lẻ tối đa cho từng địa bàn.

- Ưu nhược điểm của Phương án 2:

+ Ưu điểm: Xác định số điểm bán buôn, bán lẻ phân bố phù hợp với từng địa bàn dân cư, loại hình kinh doanh, tạo thành mạng lưới thuận lợi cho sự quản lý của nhà nước.

+ Nhược điểm: Các tiêu chí để làm căn cứ quy định điểm bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá đòi hỏi phải cụ thể, chặt chẽ.

3.4.3. Lựa chọn phương án thực hiện

Sau khi nghiên cứu các chính sách, pháp luật của Nhà nước và dựa trên cơ sở phân tích so sánh những ưu, nhược điểm của hai phương án, đề nghị lựa chọn và xây dựng Quy hoạch theo phương án 2.

4. Nội dung quy hoạch

4.1. Các tiêu chí Quy hoạch

4.1.1. Đối với bán buôn

- Quy hoạch 01 điểm bán buôn chỉ có 01 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá.

- Doanh nghiệp bán buôn phải đảm bảo các điều kiện theo Thông tư số 14/2008/TT-BCT ngày 25/11/2008 của Bộ Công Thương và các văn bản pháp luật liên quan hướng dẫn:

+ Điều kiện về chủ thể: Là doanh nghiệp được thành lập theo qui định của pháp luật và có đăng ký kinh doanh hoạt động mua, bán sản phẩm thuốc lá.

+ Điều kiện về địa điểm kinh doanh: Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Điều kiện về cơ sở vật chất và tài chính:

* Về cơ sở vật chất: Mỗi điểm bán buôn phải có kho chứa hàng (là sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân thuê hoặc sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm), đủ các yếu tố kỹ thuật để đảm bảo bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian lưu kho. Địa điểm của kho hàng phải thuận tiện cho việc giao nhận hàng hóa, đảm bảo an toàn giao thông. Tùy theo quy mô của điểm bán buôn mà thương nhân đầu tư số lượng, dung tích kho hàng cho hợp lý, đáp ứng được yêu cầu kinh doanh và có hiệu quả.

* Về phương tiện vận tải: Thương nhân bán buôn phải chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận tải (là sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân), có đủ năng lực vận chuyển, các yếu tố kỹ thuật để bảo đảm bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian vận chuyển.

* Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của mình hoạt động bình thường.

+ Điều kiện về tổ chức hệ thống phân phối: Được doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp thương mại của tập đoàn, tổng công ty sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu sản phẩm thuốc lá, các hình thức hiện diện của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá) hoặc thương nhân bán buôn khác chọn làm thương nhân bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) và tổ chức hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá ổn định trên địa bàn.

- Chỉ quy hoạch tại Trung tâm thương mại loại 1 có 01 điểm bán buôn. Các chợ, siêu thị và các trung tâm thương mại còn lại không quy hoạch điểm bán buôn.

4.1.2. Đối với bán lẻ

- Quy hoạch điểm bán lẻ gồm: Bán lẻ tại địa bàn dân cư, khu vực đô thị; bán lẻ tại các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị và cửa hàng bán lẻ tại các địa điểm kinh doanh khác (mỗi điểm bán lẻ chỉ có 01 thương nhân kinh doanh).

- Quy hoạch điểm bán lẻ theo địa bàn dân cư căn cứ vào dân số trong độ tuổi từ 18 tuổi trở lên, địa bàn hành chính để xác định số điểm bán lẻ tối đa, cụ thể. Quy hoạch mỗi thôn, bản có tổng dân số dưới 1000 người trong độ tuổi từ 18 tuổi trở lên thì có tối đa 01 điểm bán lẻ thuốc lá; dân số trên 1000 người trong độ tuổi từ 18 tuổi trở lên thì có tối đa 02 điểm bán lẻ thuốc lá.

- Quy hoạch điểm bán lẻ tại chợ: căn cứ vào quy mô chợ (hạng chợ); chợ hạng 1 (hoặc chợ đầu mối) quy hoạch tối đa 04 điểm bán lẻ; chợ hạng 2 quy hoạch tối đa 03 điểm bán lẻ; chợ hạng 3 và các chợ còn lại, quy hoạch tối đa 02 điểm bán lẻ.

- Quy hoạch điểm bán lẻ tại trung tâm thương mại: căn cứ vào quy mô trung tâm (loại trung tâm): Trung tâm thương mại loại 1, quy hoạch tối đa 03 điểm bán lẻ; trung tâm thương mại loại 2 và loại 3, quy hoạch tối đa 02 điểm bán lẻ. Trong trung tâm thương mại có siêu thị thì quy hoạch chỉ bố trí các điểm bán lẻ quy định theo trung tâm thương mại.

- Quy hoạch điểm bán lẻ tại Siêu thị, căn cứ vào quy mô siêu thị (loại siêu thị): Siêu thị loại 1, quy hoạch tối đa 03 điểm bán lẻ; siêu thị loại 2, quy hoạch tối đa 02 điểm bán lẻ; siêu thị loại 3, quy hoạch tối đa 02 điểm bán lẻ. Chỉ quy hoạch các điểm bán lẻ thuộc lá trong các siêu thị kinh doanh tổng hợp; các siêu thị chuyên doanh không quy hoạch điểm bán lẻ thuộc lá.

- Quy hoạch bán lẻ tại khu vực đô thị (thị trấn, thành phố): Ngoài các địa điểm đã quy hoạch cho các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ thuộc địa bàn, đối với các tuyến đường phố cụ thể sẽ bố trí điểm bán lẻ theo định hướng sau:

+ Tuyến đường phố dài dưới 500m bố trí tối đa 01 điểm, nếu phố dài hơn thì khoảng cách 500m bố trí thêm 01 điểm.

+ Tuyến phố 2 chiều có dải phân cách cứng, thì trên cùng một hướng đi, khoảng cách 500m có tối đa 01 điểm bán lẻ.

- Quy định điều kiện điểm bán lẻ:

+ Điều kiện về chủ thể: Thương nhân có Đăng ký kinh doanh hoạt động mua, bán sản phẩm thuốc lá.

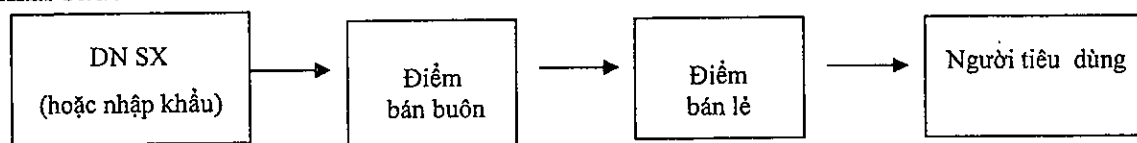
+ Điều kiện về địa điểm kinh doanh: Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bảo đảm khoảng cách giữa các điểm bán lẻ theo quy định tại quy hoạch này.

+ Điều kiện về cơ sở vật chất: Có khu vực bán sản phẩm thuốc lá riêng biệt.

+ Điều kiện về tổ chức hệ thống phân phối: Thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

4.1.3. Mô hình mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh

- Hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá chủ yếu tổ chức thực hiện theo mô hình sau:



- Các sản phẩm thuốc lá được sản xuất từ toàn bộ hay một phần nguyên liệu thuốc lá và được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi dùng để hút tẩu và các dạng sản phẩm khác dùng để hút, nhai, ngửi do các doanh nghiệp trong nước sản xuất hoặc nhập khẩu (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp sản xuất) đưa vào tiêu thụ tại thị trường trong tỉnh chủ yếu thông qua mạng lưới phân phối được tổ chức thực hiện theo mô hình trên, cụ thể:

+ Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh sản phẩm thuốc lá phân phối sản phẩm của mình trên thị trường tỉnh thông qua các kênh tiêu thụ của mình.

+ Điểm bán buôn: Lựa chọn doanh nghiệp có uy tín trong kinh doanh, quan hệ tốt với doanh nghiệp sản xuất trong nhiều năm, tiềm lực kinh tế đủ mạnh, bố trí ở các điểm bán buôn phát luồng của tỉnh, khu vực; có mạng lưới tiêu thụ rộng, đạt doanh số tiêu thụ các sản phẩm cao, ổn định. Doanh nghiệp bán buôn này được doanh nghiệp sản xuất ký hợp đồng đưa hàng trực tiếp theo yêu cầu thực tế tiêu thụ, được giữ quyền phân phối các sản phẩm trong phạm vi ảnh hưởng của mình. Một số trường hợp doanh nghiệp bán buôn có thể chủ động khai thác nguồn hàng từ các doanh nghiệp bán buôn thuốc lá khác ngoài doanh nghiệp sản xuất thuốc lá;

+ Điểm bán lẻ: Là các điểm bán hàng tại chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng ở cấp cơ sở, mạng lưới chân rết của các doanh nghiệp bán buôn trên địa bàn, có quan hệ với đại lý bán buôn trên địa bàn như quan hệ của doanh nghiệp bán buôn với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

- Ngoài kênh phân phối và tiêu thụ chủ yếu trên, các doanh nghiệp có điểm bán buôn có thể tổ chức khai thác, tiêu thụ ở thị trường trong và ngoài tỉnh và phải tuân thủ các quy định của nhà nước.

4.2. Quy hoạch mạng lưới bán buôn

4.2.1. Quy hoạch mạng lưới bán buôn theo loại hình kinh doanh

- Quy hoạch điểm chuyên kinh doanh bán buôn thuốc lá: ưu tiên cho thương nhân chuyển đổi từ kinh doanh bán buôn tổng hợp trong đó có kinh doanh thuốc lá sang chuyên doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá.

- Dự kiến đến năm 2015 chưa có điểm chuyên kinh doanh bán buôn thuốc lá trên địa bàn tỉnh và đến năm 2020 có 02 điểm chuyên kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá thuộc thành phố Bắc Giang:

+ 01 điểm tại trung tâm thương mại hạng 1, đây là điểm bán buôn đầu mối phát luồng cung ứng cho các doanh nghiệp trong tỉnh và một số tỉnh khu vực lân cận.

+ 01 điểm tại thành phố Bắc Giang, đây là điểm bán buôn lớn có hệ thống kho hàng chuyên dụng, phương tiện vận chuyên và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp.

4.2.2. Quy hoạch mạng lưới bán buôn tại các trung tâm thương mại loại 1

Căn cứ vào Quy hoạch mạng lưới chợ, trung tâm thương mại và siêu thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và căn cứ vào các tiêu chí quy định tại quy hoạch này. Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh chỉ có 01 trung tâm thương mại loại 01 tại thành phố Bắc Giang. Vì vậy chỉ quy hoạch 01 điểm bán buôn tại địa điểm này.

4.2.3. Quy hoạch điểm bán buôn theo hình thức kinh doanh tổng hợp (theo quy hoạch bán buôn tại địa bàn dân cư)

Đến năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch có 56 điểm bán buôn (trong đó có 2 điểm bán buôn chuyên doanh), giảm 11 điểm so với 30/6/2010. Trong đó: thành phố Bắc Giang 15 điểm; huyện Lạng Giang: 3 điểm; huyện Lục Nam: 4 điểm; huyện Lục Ngạn: 5 điểm; huyện Sơn Động: 3 điểm; huyện Yên Thế: 4 điểm; huyện Tân Yên: 5 điểm; huyện Việt Yên: 6 điểm; huyện Hiệp Hòa: 6 điểm; huyện Yên Dũng: 5 điểm. Phân kỳ giai đoạn cụ thể:

- Giai đoạn 2011 – 2015: Bố trí sắp xếp, xây dựng và hình thành mạng lưới bán buôn trên địa bàn tỉnh, xóa bỏ các điểm bán buôn tự phát do các hộ kinh doanh

thực hiện; Đến năm 2015, bán buôn thuốc lá đều do các doanh nghiệp có Giấy phép bán buôn thực hiện, không còn hộ kinh doanh bán buôn thuốc lá. Tổng số điểm bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh giai đoạn này là 34 điểm, cụ thể:

+ Thành phố Bắc Giang: 9 điểm; huyện Lạng Giang: 2 điểm; huyện Lục Nam: 3 điểm; huyện Lục Ngạn: 4 điểm; huyện Sơn Động: 3 điểm; huyện Yên Thế: 2 điểm; huyện Tân Yên: 2 điểm; huyện Việt Yên: 4 điểm; huyện Hiệp Hòa: 2 điểm; huyện Yên Dũng: 3 điểm.

- Giai đoạn 2016 – 2020: Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, giai đoạn này một số thị trấn, khu dân cư tập trung của tỉnh sẽ hình thành phát triển, mật độ dân cư tăng nhu cầu tiêu dùng tăng. Tuy nhiên, dự báo nhu cầu tiêu dùng giảm do số người hút giảm nên yếu tố ảnh hưởng này cũng là một trong những cơ sở để Quy hoạch các điểm bán buôn cho phù hợp. Ngoài các điểm bán buôn đã có, tiếp tục bố trí các điểm bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh giai đoạn này là 22 điểm, cụ thể:

+ Thành phố Bắc Giang 6 điểm; huyện Lạng Giang: 1 điểm; huyện Lục Nam: 1 điểm; huyện Lục Ngạn: 1 điểm; huyện Sơn Động: 0 điểm; huyện Yên Thế: 2 điểm; huyện Tân Yên: 3 điểm; huyện Việt Yên: 2 điểm; huyện Hiệp Hòa: 4 điểm; huyện Yên Dũng: 2 điểm.

(chi tiết xem tại biểu số 3 kèm sau)

4.3. Quy hoạch mạng lưới bán lẻ

4.3.1. Quy hoạch điểm bán lẻ theo loại hình kinh doanh

- Qua thực tiễn và kinh nghiệm kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá của các thương nhân trên địa bàn tỉnh cũng như trên toàn quốc thì việc kinh doanh thuốc lá phù hợp với loại hình không chuyên doanh, sản phẩm thuốc lá chỉ là một trong những mặt hàng kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy quy hoạch này cũng quy hoạch theo hướng xác định loại hình không chuyên doanh là chính để tính toán, bố trí hệ thống mạng lưới kinh doanh thuốc lá (nếu có thương nhân đăng ký cửa hàng chuyên doanh bán lẻ thì ưu tiên cho kinh doanh).

- Đối với bán lẻ: Từ nay đến năm 2015, các điểm bán lẻ chuyên doanh thuốc lá chỉ quy hoạch bố trí trong các Siêu thị, trung tâm thương mại, chợ hạng 1; giai đoạn 2016-2020 phân đấu mỗi huyện, thành phố có 02 điểm bố trí ngoài các địa điểm trên, cụ thể:

+ Giai đoạn 2010-2015: Tổng số có 04 điểm bán lẻ chuyên doanh thuốc lá, gồm: Thành phố Bắc Giang: 03 điểm; Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang: 01 điểm.

+ Giai đoạn 2016-2020: Tổng số có 12 điểm bán lẻ chuyên doanh thuốc lá thành phố Bắc Giang có 3 điểm và các huyện còn lại mỗi huyện bố trí một điểm ở thị trấn huyện.

- Số lượng điểm bán lẻ không chuyên doanh xác định trong quy hoạch cơ bản thống nhất với số lượng quy hoạch mạng lưới theo địa bàn dân cư.

4.3.2. Quy hoạch các điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại chợ, trung tâm thương mại, siêu thị

a) Chợ:

Đến năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các chợ có 415 điểm, trong đó: Thành phố Bắc Giang 86 điểm; huyện

Lạng Giang: 27 điểm; huyện Lục Nam: 43 điểm; huyện Lục Ngạn: 60 điểm; huyện Sơn Động: 31 điểm; huyện Yên Thế: 31 điểm; huyện Tân Yên: 23 điểm; huyện Việt Yên: 57 điểm; huyện Hiệp Hòa: 36 điểm; huyện Yên Dũng: 21 điểm. Phân kỳ giai đoạn cụ thể:

- Giai đoạn 2011-2015: Trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch 220 điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các chợ mới được xây mới, nâng cấp và cải tạo, cụ thể: thành phố Bắc Giang 36 điểm; huyện Lạng Giang: 13 điểm; huyện Lục Nam: 22 điểm; huyện Lục Ngạn: 41 điểm; huyện Sơn Động: 18 điểm; huyện Yên Thế: 20 điểm; huyện Tân Yên: 11 điểm; huyện Việt Yên: 33 điểm; huyện Hiệp Hòa: 18 điểm; huyện Yên Dũng: 8 điểm.

- Giai đoạn 2016-2020: trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch 195 điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các chợ, cụ thể: thành phố Bắc Giang 50 điểm; huyện Lạng Giang: 14 điểm; huyện Lục Nam: 21 điểm; huyện Lục Ngạn: 19 điểm; huyện Sơn Động: 13 điểm; huyện Yên Thế: 11 điểm; huyện Tân Yên: 12 điểm; huyện Việt Yên: 24 điểm; huyện Hiệp Hòa: 18 điểm; huyện Yên Dũng: 13 điểm.

b) Trung tâm thương mại:

Đến năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các trung tâm thương mại có 39 điểm, trong đó: Thành phố Bắc Giang 21 điểm; huyện Lạng Giang: 2 điểm; huyện Lục Nam: 1 điểm; huyện Lục Ngạn: 3 điểm; huyện Sơn Động: 0 điểm; huyện Yên Thế: 1 điểm; huyện Tân Yên: 3 điểm; huyện Việt Yên: 5 điểm; huyện Hiệp Hòa: 2 điểm; huyện Yên Dũng: 1 điểm. Phân kỳ giai đoạn cụ thể:

- Giai đoạn 2011-2015: Trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch 12 điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các trung tâm thương mại, cụ thể: thành phố Bắc Gian: 7 điểm; huyện Yên Dũng: 1 điểm; huyện Hiệp Hòa 1 điểm; huyện Việt Yên: 2 điểm; Lục Nam: 1 điểm. Các huyện: Lạng Giang; Yên Thế; Lục Ngạn; Sơn Động; Tân Yên không có điểm quy hoạch.

- Giai đoạn 2016-2020: Trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch 27 điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các trung tâm thương mại mới được hình thành, cụ thể: thành phố Bắc Giang: 14 điểm; huyện Lạng Giang: 2 điểm; huyện Lục Nam: 0 điểm; Lục Ngạn 3 điểm; Sơn Động 0 điểm; huyện Yên Thế: 1 điểm; huyện Tân Yên: 3 điểm; huyện Việt Yên: 3 điểm; huyện Hiệp Hòa: 1 điểm; huyện Yên Dũng: 0 điểm.

c) Siêu thị

Đến năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch mạng lưới bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các siêu thị có 44 điểm, trong đó: Thành phố Bắc Giang: 12 điểm; huyện: Lạng Giang: 4 điểm; huyện Lục Nam: 4 điểm; huyện Lục Ngạn: 5 điểm; huyện Sơn Động: 4 điểm; huyện Yên Thế: 4 điểm; huyện Tân Yên: 1 điểm; huyện Việt Yên: 4 điểm; huyện Hiệp Hòa: 8 điểm; huyện Yên Dũng: 2 điểm. Phân kỳ giai đoạn cụ thể:

- Giai đoạn 2011-2015: Trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch 12 điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các siêu thị, cụ thể: Thành phố Bắc Giang: 01 điểm; huyện Lạng Giang: 0 điểm; huyện Lục Nam: 2 điểm; huyện Lục Ngạn: 0 điểm; huyện Sơn Động: 2 điểm; huyện Yên Thế: 1 điểm; huyện Tân Yên: 0 điểm; huyện Việt Yên: 1 điểm; huyện Hiệp Hòa: 3 điểm; huyện Yên Dũng: 2 điểm.

- Giai đoạn 2016-2020: Trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch 32 điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các Siêu thị mới được hình thành, cụ thể: Thành phố Bắc Giang: 11 điểm; huyện Lục Nam: 2 điểm; huyện Lục Ngạn: 5 điểm; huyện Sơn Động: 2 điểm; huyện Yên Thế: 03 điểm; huyện Tân Yên: 1 điểm; huyện Việt Yên: 3 điểm; huyện Hiệp Hòa 5 điểm; huyện Lạng Giang và huyện Yên Dũng: 0 điểm;

(chi tiết xem tại biểu số 3b kèm sau)

4.3.3. Quy hoạch mạng lưới bán lẻ theo địa bàn dân cư

Đến năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch mạng lưới bán lẻ theo địa bàn dân cư có 2.847 điểm, trong đó: Thành phố Bắc Giang 264 điểm; huyện Lạng Giang: 379 điểm; huyện Lục Nam: 389 điểm; huyện Lục Ngạn: 472 điểm; huyện Sơn Động: 179 điểm; huyện Yên Thế: 169 điểm; huyện Tân Yên: 154 điểm; huyện Việt Yên: 285 điểm; huyện Hiệp Hòa: 311 điểm; huyện Yên Dũng: 245 điểm. Phân kỳ giai đoạn cụ thể:

- Giai đoạn 2011-2015: Trên địa bàn toàn tỉnh quy hoạch 2.529 điểm bán lẻ, cụ thể: thành phố Bắc Giang: 227 điểm; huyện Lạng Giang: 356 điểm; huyện Lục Nam: 334 điểm; huyện Lục Ngạn: 442 điểm; huyện Sơn Động: 159 điểm; huyện Yên Thế: 148 điểm; huyện Tân Yên: 121 điểm; huyện Việt Yên: 259 điểm; huyện Hiệp Hòa: 281 điểm; huyện Yên Dũng: 202 điểm.

- Giai đoạn 2016-2020: Tổng số quy hoạch 318 điểm bán lẻ trên địa bàn toàn tỉnh chủ yếu tại các khu dân cư mới được hình thành, cụ thể: Thành phố Bắc Giang: 37 điểm; huyện Lạng Giang: 23 điểm; huyện Lục Nam: 55 điểm; huyện Lục Ngạn: 30 điểm; huyện Sơn Động: 20 điểm; huyện Yên Thế: 21 điểm; huyện Tân Yên: 33 điểm; huyện Việt Yên: 26 điểm; huyện Hiệp Hòa: 30 điểm; huyện Yên Dũng: 43 điểm.

(chi tiết xem tại biểu số 3a kèm sau)

5. Tổng hợp toàn tỉnh

5.1. Tổng hợp Quy hoạch điểm bán buôn thuốc lá

Đến năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh có 56 điểm bán buôn sản phẩm thuốc lá, phân bố tại thành phố Bắc Giang và thị trấn trung tâm huyện, khu vực.

(chi tiết xem tại biểu số 4 kèm sau)

5.1. Tổng hợp quy hoạch các điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh

Đến năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh có 3.345 điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá, phân bố tại các khu vực dân cư và các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị. Phân kỳ giai đoạn cụ thể:

- Giai đoạn 2011-2015 quy hoạch trên địa bàn tỉnh có 2.773 điểm bán lẻ thuốc lá, trong đó:

+ Quy hoạch tại các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ có 244 điểm;

+ Quy hoạch tại các khu vực dân cư có 2.529 điểm.

- Giai đoạn 2016-2020: Chỉ quy hoạch thêm các điểm bán lẻ thuốc lá tại các chợ, trung tâm thương mại và các khu vực dân cư ở khu đô thị mới quy hoạch phát triển. Tổng số quy hoạch trên địa bàn tỉnh có thêm 572 điểm bán lẻ thuốc lá, trong đó:

+ Quy hoạch tại các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ có 254 điểm;

+ Quy hoạch tại các khu vực dân cư có 318 điểm.

(chi tiết xem tại biểu số 3, 3a, 3b kèm sau)

Phần thứ tư

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI KINH DOANH BÁN BUÔN, BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

I. CÁC GIẢI PHÁP

1. Giải pháp chung

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm cầu thuốc lá: Cấm các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo, khuyến mại tài trợ dưới mọi hình thức; hạn chế các điểm bán lẻ thuốc lá; quy định các khu vực cấm hút thuốc; hỗ trợ cai nghiện thuốc lá; các chương trình tuyên truyền về tác hại thuốc lá và hút thuốc thụ động, giúp thay đổi nhận thức về hút thuốc; thực hiện môi trường không khói thuốc: Nơi công cộng, bệnh viện, trường học và nơi công sở.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm cung thuốc lá: Quản lý chặt chẽ việc kinh doanh thuốc lá; tăng cường công tác phòng chống buôn lậu thuốc lá, sản xuất kinh doanh thuốc lá giả và xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật quy định; mở rộng hợp tác quốc tế trong việc phòng, chống tác hại của thuốc lá; tổ chức thực hiện các chính sách quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá; tiếp tục triển khai Chương trình phòng, chống tác hại của thuốc lá; ưu tiên bố trí sắp xếp việc làm cho số người bán thuốc lá lưu động để tiến tới xóa bỏ hình thức bán không có địa điểm.

2. Các giải pháp cụ thể

2.1. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền vận động.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến Quy hoạch mạng lưới kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và các nội dung Công ước khung về kiểm soát thuốc lá theo Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 21/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ và tác hại của thuốc lá trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị xã hội và cộng đồng dân cư.

- Các ngành, các cấp chính quyền phối hợp với UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể nhân dân vận động nhân dân, đặc biệt là đối tượng thanh, thiếu niên không hút thuốc lá, khuyến khích những người đang hút thuốc lá giảm và bỏ hút thuốc lá. Tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, hội viên các tổ chức đoàn thể nhân dân phải là những người gương mẫu không hút thuốc lá.

- Tăng cường các chương trình giáo dục sức khỏe và nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác hại của việc sử dụng các sản phẩm thuốc lá, về lợi ích của việc cai nghiện thuốc lá và lối sống không thuốc lá, nhằm làm giảm nhu cầu sử dụng tiến tới kiểm soát và giảm mức cung cấp các sản phẩm thuốc lá, giảm tỷ lệ mắc và chết do các bệnh có liên quan đến thuốc lá.

- Phổ biến rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân những thông tin cần thiết và chính xác về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe con người, đối với kinh tế, các

quy định của pháp luật và chuẩn mực xã hội. Thực hiện các chương trình đào tạo, nâng cao nhận thức về phòng chống tác hại thuốc lá cho đối tượng là cán bộ y tế, cán bộ các ban ngành, đoàn thể; nhân viên cộng đồng; nhân viên làm công tác xã hội; những người làm công tác truyền thông, các giáo viên, các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý và những đối tượng có liên quan khác.

- Tổ chức các hoạt động mít tinh, diễu hành, tọa đàm... hưởng ứng Tuần lễ quốc gia không hút thuốc lá hàng năm (từ 25 đến 31 tháng 5). Lồng ghép các nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào các hoạt động truyền thông nâng cao sức khoẻ với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

2.2. Giải pháp về quản lý nhà nước

- Tiến hành rà soát lại toàn bộ các điểm kinh doanh sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh. Các thương nhân đã được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá trước thời điểm 30/11/2010, nếu điểm kinh doanh phù hợp Quy hoạch mà tiếp tục hoạt động kinh doanh, thì phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá theo quy định tại Thông tư 14/2008/TT-BCT ngày 25/11/2008 của Bộ Công Thương.

- Tổ chức hướng dẫn và tiến hành tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn), Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá cho các tổ chức, cá nhân có điểm kinh doanh nằm trong quy hoạch, theo đúng các qui định hiện hành của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc kinh doanh các sản phẩm thuốc lá, xử lý nghiêm các hành vi nhập lậu thuốc lá, buôn bán thuốc lá giả, thuốc lá nhái nhãn mác; có kế hoạch và lộ trình từng bước xoá bỏ các điểm kinh doanh sản phẩm thuốc lá trái phép; thực hiện tiêu hủy các sản phẩm thuốc lá và phương tiện sản xuất thuốc lá giả, thuốc lá nhái nhãn mác, thuốc lá nhập lậu và các sản phẩm thuốc lá bất hợp pháp khi bị tịch thu.

- Thực hiện nghiêm: Quy định cấm bán thuốc lá cho người dưới 18 tuổi, yêu cầu các điểm bán các sản phẩm thuốc lá phải có bản cam kết với cơ quan quản lý không bán các sản phẩm thuốc lá cho người dưới 18 tuổi; quy định cấm bán các sản phẩm thuốc lá tại cơ quan, công sở, tại trường học, bệnh viện, trên các phương tiện giao thông công cộng và tại những nơi có quy định cấm hút thuốc lá theo quy định hiện hành.

- Tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định cấm hút thuốc lá tại các nơi công cộng như: trường học, các cơ sở y tế, thư viện, rạp chiếu phim, nhà hát, nhà văn hoá, các khu vực sản xuất và nơi làm việc trong nhà, nơi có nguy cơ cháy nổ cao và trên các phương tiện giao thông công cộng. Tại các nơi công cộng trong nhà, khu vui chơi, giải trí trong nhà, các nhà hàng, quán bar, karaoke, khách sạn... chỉ được phép hút thuốc tại khu vực dành riêng cho người hút thuốc lá; những nơi dành riêng cho người hút thuốc lá cần có hệ thống thông khí riêng biệt.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, có tính chuyên nghiệp cao nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh doanh các sản phẩm thuốc lá trên địa bàn.

2.3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Giáo dục, tuyên truyền cho mọi người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; gắn nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường với xây dựng mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

- Các nhà sản xuất và nhập khẩu sản phẩm thuốc lá phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền thông tin về hàm lượng tar (hắc ín), ni-cô-tin có trong các sản phẩm thuốc lá và khói thuốc lá và công bố các thông tin về thành phần tar (hắc ín) và ni-cô-tin theo quy định của Bộ Y tế.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe của những người liên quan đến kinh doanh, sử dụng thuốc lá. Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định cấm bán các sản phẩm thuốc lá tại cơ quan, công sở, tại trường học, bệnh viện, trên các phương tiện giao thông công cộng và tại những nơi có quy định cấm hút thuốc lá theo quy định hiện hành. Trang bị một số thùng gạt tàn thuốc lá tại những vị trí công cộng được phép hút thuốc lá.

2.4. Giải pháp về áp dụng khoa học, công nghệ trong bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến phục vụ quá trình kinh doanh sản phẩm thuốc lá nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm độc hại và ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu, đánh giá khoa học để xác định các chỉ số tiêu thụ, tỷ lệ sử dụng các sản phẩm thuốc lá trong cộng đồng, hậu quả của việc sử dụng sản phẩm thuốc lá và phơi nhiễm với khói thuốc lá. Thực hiện nghiêm túc các quy định về quyền sở hữu trí tuệ. Kịp thời thông tin, tuyên truyền kết quả các công trình nghiên cứu khoa học tới cộng đồng để mọi người biết, góp phần giảm, bỏ hút thuốc lá.

- Bồi dưỡng, đào tạo và phát triển đội ngũ thương nhân có kiến thức và kỹ năng quản trị hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển của kinh doanh sản phẩm thuốc lá trong cơ chế thị trường, hội nhập với khu vực và thế giới.

2.5. Các giải pháp khác

- Phân định rõ trách nhiệm các cấp các ngành, bảo đảm quản lý thống nhất quy hoạch mạng lưới kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá, đồng thời đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm, nâng cao năng lực của từng cấp, từng ngành và cơ sở trong quản lý quy hoạch.

- Thực hiện đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, từng bước đưa ra các giải pháp hợp lý để giảm dần số lượng điểm bán thuốc lá cũng như số lượng người kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

- Xây dựng và đưa tiêu chí kết quả vận động giảm bỏ hút thuốc lá, không hút thuốc lá tại các địa điểm cấm hút thuốc là một tiêu chuẩn để bình xét thi đua hàng năm đối với cá nhân, tập thể mỗi cơ quan, đơn vị.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Sở Công Thương

Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Công bố công khai, rộng rãi “Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020”.

- Xây dựng kế hoạch và ban hành văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.

- Quản lý hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá từ bán buôn đến bán lẻ; kiểm soát chặt chẽ việc khuyến mại, tiếp thị, tài trợ của các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

- Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá theo thẩm quyền; hướng dẫn, kiểm tra việc cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá của các huyện, thành phố.

- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá trên thị trường, xử lý nghiêm các hành vi: kinh doanh thuốc lá giả, thuốc lá nhập lậu, không in cảnh báo sức khỏe, không dán tem, nhãn trên sản phẩm thuốc lá theo quy định và hành vi kinh doanh trái phép các sản phẩm thuốc lá.

- Hàng năm, rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về những khó khăn, vướng mắc và biện pháp giải quyết.

2. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực của Chương trình phòng chống tác hại thuốc lá của tỉnh, có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, điều phối thực hiện các chương trình, kế hoạch liên ngành phòng chống tác hại của thuốc lá trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng các phương pháp cai nghiện thuốc lá tại các cơ sở khám chữa bệnh; tuyên truyền và tư vấn cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và nhân dân về tác hại của thuốc lá và cách cai nghiện thuốc lá.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội... đưa tài liệu phòng chống tác hại của thuốc lá vào chương trình giảng dạy trong các trường học, trung tâm dạy nghề.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong ngành và các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh gương mẫu thực hiện chương trình phòng chống tác hại của thuốc lá.

- Quy định về các khu vực không được phép hút thuốc lá, các quy định về nội dung, hình thức, thông tin cảnh báo, thành phần nồng độ các chất có trong các sản phẩm thuốc lá, tác hại của thuốc lá tới sức khỏe; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về phòng chống tác hại của thuốc lá.

3. Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản quy định về nếp sống văn hoá không mời và không hút thuốc lá; gắn nội dung xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu phố văn hóa, cơ quan văn hóa, trường học văn hóa... với công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá; xây dựng môi trường không khói thuốc lá tại các khu, điểm du lịch, nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao, khu vui chơi giải trí và nơi cung cấp các dịch vụ công cộng khác.

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin cổ động, văn nghệ quần chúng tuyên truyền phòng, chống tác hại thuốc lá trên diện rộng, quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người để nâng cao nhận thức về tác hại của thuốc lá; tham mưu xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn thực hiện các quy định về cấm quảng cáo thuốc lá dưới mọi hình thức.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về quảng cáo thuốc lá và các hành vi kinh doanh trái phép sản phẩm thuốc lá tại các nhà hàng, khách sạn, cơ sở lưu trú du lịch, quán bar, karaoke, vũ trường...

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Đẩy mạnh công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá trong học sinh, sinh viên, nhà giáo và cán bộ, công nhân viên ngành giáo dục; tăng cường truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe; xây dựng môi trường không khói thuốc lá tại các trung tâm giáo dục và trường học. Lòng ghép đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá trong chương trình giảng dạy của các nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy, quy chế về cấm hút thuốc lá trong các cơ sở giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục. Thực hiện việc treo biển hoặc biểu tượng "Cấm hút thuốc lá" ở các hành lang, lớp học, phòng họp và các phòng làm việc tại nhà trường và các cơ quan quản lý giáo dục;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, nhà trường thực hiện nghiêm túc Quyết định số 3323/QĐ-BGDĐT, ngày 13/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá trong ngành giáo dục.

5. Sở Tài chính

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng quy định về quản lý giá, các vi phạm về chế độ hoá đơn, chứng từ đối với sản phẩm thuốc lá lưu thông trên thị trường.

- Giúp UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí từ ngân sách Nhà nước trong dự toán chi ngân sách hàng năm của tỉnh để triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá và hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá. Đặc biệt là kinh phí mua sắm trang thiết bị như: biển báo "Cấm hút thuốc"; thùng gạt tàn; tài liệu, tờ rơi tuyên truyền tác hại của thuốc lá và đầu tư xây dựng khu vực dành riêng cho người hút thuốc lá...

6. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

- Theo chức năng nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Quy hoạch này, gắn với việc tuyên truyền tác hại của các sản phẩm thuốc lá và các chủ trương, biện pháp phòng, chống tác hại của thuốc lá; đẩy mạnh tuyên truyền cấm hút thuốc lá nơi công cộng.

- Bố trí thời lượng phát sóng, đưa tin bài về công tác phòng chống tác hại của thuốc lá, xây dựng các trang tin, chuyên mục tuyên truyền riêng về tác hại của thuốc lá.

- Thực hiện nghiêm quy định về cấm quảng cáo các sản phẩm thuốc lá, cấm nhận tài trợ trực tiếp hoặc gián tiếp của các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuốc lá với mục đích quảng cáo.

7. Công an tỉnh

- Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan chức năng có liên quan đẩy mạnh công tác kiểm tra chống buôn lậu thuốc lá, tham gia xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự các hành vi buôn lậu thuốc lá, kinh doanh thuốc lá giả theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm theo pháp luật đối với các trường hợp vi phạm quy định cấm hút thuốc lá nơi công cộng.

8. Các sở, cơ quan khác trực thuộc UBND tỉnh

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện tốt nội dung Quy hoạch này; tổ chức thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 815/KH-UBND ngày 26/4/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện công ước khung về kiểm soát thuốc lá.

9. UBND các huyện, thành phố

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn.

- Bố trí sắp xếp các điểm bán lẻ cụ thể và thực hiện việc cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho các thương nhân trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật và các quy định tại Quy hoạch này; khi cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho thương nhân có trách nhiệm gửi kết quả cho Sở Công Thương, Đội Quản lý thị trường địa phương để phối hợp quản lý.

- Quan tâm, tạo điều kiện cho số lao động kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá chuyển đổi ngành nghề kinh doanh; tham gia các lớp đào tạo nghề.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng nếp sống văn hoá không mời, không sử dụng các sản phẩm thuốc lá và tích cực hưởng ứng tham gia phòng, chống tác hại của thuốc lá.

- Định kỳ rà soát, báo cáo tiến độ thực hiện quy hoạch và những khó khăn, vướng mắc với Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Bộ Công Thương

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 14/2008/TT-BCT ngày 25/11/2008, nhất là quy định rõ các tiêu chuẩn, điều kiện về cơ sở vật chất đối với điểm bán buôn, bán lẻ và quy chế đại lý kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành quy định về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm thuốc lá; tiêu chuẩn cửa hàng (quầy) bán lẻ sản phẩm thuốc lá, kho bảo quản sản phẩm thuốc lá để phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh và hạn chế tối đa tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe.

- Kiến nghị với Chính phủ sửa đổi, bổ sung nâng mức xử phạt đối với các hành vi: buôn bán sản phẩm thuốc lá không có giấy phép, thuốc lá giả, sản phẩm thuốc lá kém chất lượng, các sản phẩm thuốc lá mang nhãn hiệu thuốc lá không được bảo hộ tại Việt Nam, không ghi nhãn hoặc không dán tem theo đúng quy định. Quy định hình thức xử phạt (tịch thu) đối với tất cả các trường hợp bán sản phẩm thuốc lá có hành vi vi phạm trên.

- Kiến nghị xem xét, điều chỉnh tăng thuế xuất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng thuốc lá và đưa khoản mục thu phí về môi trường vào trong giá thành sản phẩm thuốc lá.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể nhân dân

- Tuyên truyền, vận động các thành viên trong tổ chức của mình tham gia tích cực vào cuộc vận động phòng chống tác hại của thuốc lá; gương mẫu thực hiện không hút thuốc tại nơi làm việc và nơi công cộng theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp vận động nhân dân không sử dụng các sản phẩm thuốc lá trong các lễ hội, đám cưới, đám tang, cuộc vui gia đình./.

**KT. CHỦ TỊCH/
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Hạnh